



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Phát biểu Bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 13

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

14 PHÙNG HỮU PHÚ:

Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới và sáng tạo - điểm nhấn của Đại hội Đảng lần thứ XIII

26 VŨ VĂN HIỀN:

Dự báo tình hình và những vấn đề đặt ra đối với quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong thập niên tới

37 NGUYỄN QUANG THUẤN:

Tác động của Đại dịch Covid-19 đến kinh tế thế giới và Việt Nam

50 NGUYỄN VIỆT THÔNG:

Về nguyên tắc hiến định "Đảng chịu sự giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình"

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

61 PHAN TRỌNG HÀO:

Kinh nghiệm rút ra từ thực trạng nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương thời gian qua

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

70 Hội thảo khoa học "Những nội dung mới và điểm nhấn trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng"



SỰ KIỆN

PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 13 CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Sáng 9/10, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã bế mạc, hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng.

Kính thưa Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau gần 5 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương của chúng ta đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận

dân chủ, thẳng thắn, đóng góp nhiều ý kiến trí tuệ, xác đáng vào các báo cáo, đề án.

Không khí Hội nghị rất hồ hởi, vui vẻ, phấn chấn. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết của Hội nghị. Sau đây, để bế mạc Hội nghị, tôi xin được thay mặt Bộ Chính trị khái

quát lại những kết quả chủ yếu đã đạt được và nhấn mạnh thêm một số vấn đề để thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

1. Về kinh tế - xã hội năm 2020 - 2021

Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất nhận định: Trong 9 tháng đầu năm, tình hình đại dịch Covid-19 trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái nặng nề, tăng trưởng âm; thương mại thế giới sụt giảm nghiêm trọng; thị trường tài chính biến động bất thường, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Kinh tế - xã hội nước ta bị ảnh hưởng lớn, khó có thể hoàn thành được toàn bộ các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra cho năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020, mặc dù đã có 4 năm liên tiếp trước đó luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, năm sau tốt hơn năm trước.

Tuy nhiên, nhờ có sự nỗ lực phấn đấu, đóng góp to lớn, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Việt

Nam vẫn được bạn bè quốc tế đánh giá cao, được coi là điểm sáng về phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, toàn hệ thống chính trị và đồng bào, chiến sĩ cả nước vào cuộc đồng bộ, quyết liệt, đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, từng bước khắc phục có hiệu quả thiệt hại do dịch bệnh gây ra, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đã và đang khẩn trương, nghiêm túc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị tích cực để tiến tới Đại hội XIII của Đảng theo đúng kế hoạch đề ra.

Nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp đúng đắn đã được ban hành kịp thời và tổ chức thực hiện tốt để duy trì ở mức cao nhất các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, hỗ trợ người dân và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội.

Kết quả là: Kinh tế vẫn tăng trưởng dương, đạt trên 2% trong 9 tháng đầu

năm, dự kiến từ 2 đến 3% trong năm 2020 (được đánh giá là một trong số 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất trong bối cảnh đại dịch, kinh tế thế giới và nhiều nước lớn dự kiến tăng trưởng âm).

Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; cán cân thương mại có thặng dư cao, xuất siêu 17 tỉ đô la Mỹ (USD), dự trữ ngoại hối tăng cao (khoảng 93 tỉ USD). Văn hoá, xã hội tiếp tục có tiến bộ; an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân được bảo đảm; công tác giảm nghèo, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công, người có hoàn cảnh khó khăn; chăm sóc sức khoẻ nhân dân được triển khai tích cực.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm tiếp tục được tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả. Việc chuẩn bị văn kiện, nhân sự và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng được tiến hành rất tích cực, khẩn trương, đúng quy định và có đổi mới, chất lượng tốt. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế trong bối cảnh đại dịch tiếp tục được duy

trì, đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; chủ quyền quốc gia, môi trường hoà bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước được giữ vững. Nhờ đó, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa không ngừng được củng cố, nâng cao. Như vậy, năm 2020 cũng là năm thành công đối với nước ta với những kết quả, thành tích đặc biệt hơn so với các năm trước.

Bên cạnh những kết quả, thành tích rất đáng trân trọng, tự hào đã đạt được, kinh tế - xã hội nước ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Kinh tế tăng trưởng chậm lại, ở mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Sản xuất kinh doanh bị suy giảm; nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, thậm chí phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động.

Việc làm, thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng lớn. Việc bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo đảm an sinh

và phúc lợi xã hội đứng trước nhiều rủi ro, thách thức. Việc triển khai thực hiện một số chính sách, biện pháp bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Vì vậy, cần phải rà soát, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện và có phương án điều chỉnh phù hợp để bảo đảm các cân đối lớn, nhất là cân đối về ngân sách của năm 2020 sao cho khả thi, sát hợp nhất với thực tế tình hình từ đầu năm đến nay và dự báo 3 tháng cuối năm còn lại.

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Hội nghị nhất trí cho rằng, đất nước ta bước vào năm 2021 với nhiều khó khăn, thách thức mới, nặng nề hơn so với 10 năm trước do tác động của đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, khác so với trước, những khó khăn, thách thức đó đã bộc lộ trước Đại hội Đảng, chúng ta đã sớm chủ động nhận diện, kịp thời đề ra và quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, biện pháp ứng phó phù hợp, có hiệu quả; rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu

cho thời gian tới.

Trước mắt, cần tăng cường công tác phân tích, dự báo tình hình dịch bệnh và triển vọng kinh tế - xã hội thế giới cũng như trong nước từ nay đến hết năm 2020 và các năm 2021 - 2022; tiếp tục rà soát thật kỹ, xác định đúng các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực quan trọng và những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp có tính đột phá, khả thi cao. Đặt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Chú trọng đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững, phát triển văn hoá - xã hội, xây dựng con người. Kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là thực hành tiết kiệm, lành mạnh hoá và bảo đảm cân đối thu - chi

ngân sách nhà nước, kiểm soát nợ xấu, bảo đảm an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Trên cơ sở những kết quả, thành tích và bài học kinh nghiệm của năm 2020, tiếp tục đề cao cảnh giác, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; đồng thời tập trung ưu tiên triển khai thực hiện các chính sách, biện pháp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, lấy lại đà tăng trưởng kinh tế gắn với tạo nền tảng để phát triển nhanh và bền vững.

Khẩn trương, nghiêm túc rà soát, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện để sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém vốn có, tồn đọng từ lâu nhưng chậm được khắc phục của nền kinh tế; xử lý dứt điểm các công trình dự án thua lỗ, chậm tiến độ kéo dài; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế và xã hội. Hỗ trợ cho các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp, người lao động bị ảnh hưởng nặng bởi đại dịch Covid-19.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người

dân phát triển sản xuất kinh doanh và thị trường trong nước, đẩy mạnh khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Kiên quyết, chủ động, tích cực xử lý nợ xấu và các ngân hàng thương mại yếu kém, nâng cao độ an toàn, tin cậy của hệ thống các tổ chức tín dụng; đồng thời nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước...

2. Tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng

Hội nghị đã tập trung thảo luận sôi nổi, sâu sắc, có nhiều ý kiến đóng góp cụ thể, xác đáng và thống nhất cao về các nội dung cần bổ sung, sửa đổi dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận, biểu dương các tiểu ban Văn kiện (Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo về xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng) và các cơ quan có liên quan đã khẩn trương, nghiêm túc cập nhật tình hình, nhất là tác động của đại dịch Covid-19; tổng hợp, phân tích, tiếp thu các ý kiến hợp lý, hoàn thiện thêm một bước dự thảo các văn kiện trình Trung ương tại Hội nghị lần này.

Trung ương cho rằng, các dự thảo mới được chuẩn bị rất công phu, bài bản, trí tuệ, dân chủ và cầu thị; quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển; đã kế thừa, bổ sung phát triển đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng ta trong 35 năm qua với nhiều nội dung đổi mới và điểm nhấn quan trọng.

Nổi bật là:

- Về nhận thức, dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII lần này đã phân tích, đánh giá, tạo sự thống nhất cao trong nhận định về những kết quả, thành tựu đã đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm được rút ra từ tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Từ đó khẳng định: Những thành tựu đã đạt được là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; góp

phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của nước ta qua 35 năm đổi mới.

Đây cũng là cơ sở đầy sức thuyết phục để chúng ta có thể tự hào khẳng định: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng để chúng ta tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về tầm nhìn, dự thảo mới đã cập nhật kịp thời những diễn biến mới nhất của tình hình trong nước và thế giới, phân tích, dự báo có cơ sở khoa học về tình hình và xu hướng phát triển của thế giới và đất nước trong giai đoạn mới, tạo cơ sở cho việc xác định các mục tiêu phát triển mới trong 5 năm, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045.

Từ đó, đề ra mục tiêu tổng quát là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân

đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hướng tới những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta, các mục tiêu cụ thể được xác định là:

+ Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

+ Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

+ Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

- Về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, dự thảo Báo cáo chính trị lần này dành ra một mục riêng để cập

đến 5 quan điểm chỉ đạo, có bổ sung, làm rõ hơn một số nội dung quan trọng của các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo mà Đảng ta đã đề ra và từng bước hoàn thiện qua các kỳ Đại hội. Đặc biệt là, đã nhấn mạnh không chỉ “kiên định và vận dụng” mà còn phải phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Phải coi phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Khẳng định cần phải: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc..., khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam...; thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển đất nước.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại...; phát huy cao độ nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó

nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Không chỉ “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng “mà còn phải”... xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc”.

- Về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp, dự thảo lần này đã bám sát tình hình và xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, đề ra 12 định hướng phát triển đất nước trong thời kỳ chiến lược 10 năm 2021 - 2030, sáu nhiệm vụ trọng tâm, ba đột phá chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể với nhiều nội dung đổi mới quan trọng.

Đặc biệt là, để tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn, dự thảo

lần này đã điều chỉnh, xác định rõ, chuẩn xác hơn mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường...

Đồng thời, bổ sung một mối quan hệ mới là giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; và nhấn mạnh thêm: “Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng nhiều hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân”.

Dự thảo khẳng định, ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng xác định có ý nghĩa, giá trị lâu dài, vẫn còn nguyên giá trị nhưng đã được bổ sung, cụ thể hoá cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới như sau:

(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt, trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ

tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo các tiểu ban và các cơ quan có liên quan khẩn trương, nghiêm túc tiếp thu ý kiến của Trung ương hoàn thiện thêm một bước dự thảo các văn kiện để xin ý kiến của các đại biểu Quốc hội khoá XIV, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân theo đúng tiến độ đã đề ra.

Sau đó, khẩn trương, nghiêm túc tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp, các tổ chức nêu trên và nhân dân để tiếp tục hoàn thiện các dự thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương 14 sắp tới xem xét, cho ý kiến hoàn chỉnh các văn kiện và hoàn tất việc chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

3. Chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII

Ban Chấp hành Trung ương đánh giá cao Bộ Chính trị và Tiểu ban Nhân sự, kể từ sau Hội nghị Trung ương 12 (tháng 5/2020) đã bám sát Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIII được Trung ương thông qua, chuẩn bị một cách công phu, khoa học, bài bản, kỹ lưỡng các báo cáo về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII.

Trung ương cũng biểu dương các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đã chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, có chất lượng nhân sự đại hội cấp mình, đồng thời tổ chức nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, cơ bản bảo đảm tiến độ, đúng quy trình, hướng dẫn của Tiểu ban Nhân sự.

Trên cơ sở Phương hướng và quy trình công tác nhân sự, kết quả giới thiệu nhân sự, Trung ương đã thảo luận dân chủ, xem xét khách quan, công tâm, toàn diện về dự kiến danh sách nhân sự tái cử và nhân sự lần đầu được giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII và

các phương án lựa chọn; đồng thời phân tích, đánh giá, góp nhiều ý kiến sâu sắc, tâm huyết, bổ sung vào các báo cáo và phương án nhân sự.

Theo Chương trình làm việc của Hội nghị, Trung ương đã bỏ phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự Trung ương khoá XII tái cử và nhân sự mới lần đầu được dự kiến giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII (cả Uỷ viên Trung ương chính thức và dự khuyết); đồng thời Trung ương cũng đã bỏ phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XII tái cử khoá XIII và giới thiệu nhân sự mới lần đầu tham gia Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII. Kết quả rất tốt đẹp, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất rất cao với đề xuất của Bộ Chính trị.

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị và Tiểu ban Nhân sự căn cứ Nghị quyết của Hội nghị, Báo cáo kết quả giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII và các ý kiến đóng góp của Trung ương, tiếp tục xem xét, rà soát thật kỹ, bổ sung, hoàn chỉnh các phương án nhân sự theo đúng quy trình công tác nhân sự đã đề ra để

báo cáo Trung ương xem xét, quyết định thông qua tại các hội nghị Trung ương tiếp theo trước khi trình Đại hội XIII của Đảng.

4. Một số vấn đề quan trọng khác

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét cho ý kiến đối với Báo cáo của Bộ Chính trị về các công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị lần thứ 12 đến Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII và Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2019. Hội nghị giao Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến góp ý của Trung ương để có các giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian tới.

Cũng tại Hội nghị này, theo Quy chế làm việc, Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị và đã ghi phiếu giới thiệu nhân sự trước khi Bộ Chính trị quyết định giới thiệu để Chính phủ trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn việc bổ nhiệm các chức danh Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị của chúng ta đã thành

công tốt đẹp. Với những nội dung chủ yếu vừa nêu trên đây, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này sẽ góp phần tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 gắn với phòng, chống dịch bệnh, xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng; làm tốt công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII, góp phần bảo đảm thành công Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cần nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu thực hiện và lãnh đạo tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành tốt trọng trách trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- ĐIỂM NHẤN CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

“Tạo bước chuyển căn bản nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo... Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; hoàn thiện và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với phát huy ý chí, khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam trong thời kỳ mới...”

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước
NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Nhiều điểm mới và dấu ấn nổi bật

1. Dự thảo Văn kiện chuẩn bị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XIII của Đảng có nhiều điểm mới.

Mới không phải do ý tưởng chủ quan của Tiểu ban và Tổ biên tập Văn kiện,

mà mới do nhu cầu khách quan cấp thiết của thực tiễn đất nước, thế giới với nhiều thời cơ, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới về lý luận, thực tiễn, đòi hỏi chúng ta phải vươn lên mạnh mẽ hơn, đổi mới đồng bộ, toàn diện hơn, ở trình độ cao hơn. Mới do khả năng thực tế của đất nước sau gần 35 năm đổi mới với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm quý báu đúc kết từ quá trình lao động, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; do đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế thành công cho phép chúng ta tiến cùng thời đại, nắm bắt, dự báo, tiếp cận được những xu thế phát triển và những giá trị phổ quát của nhân loại - những nhân tố đó tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam có thể phát triển nhanh, bền vững hơn ở tầm mức mới. Như vậy, những điểm mới của dự thảo Văn kiện Đại hội XIII phản ánh sự tương thích giữa nhu cầu phát triển khách quan của đất nước trong bối cảnh mới và năng lực tiếp tục đổi mới của Đảng và nhân dân ta.

Những điểm mới trong dự thảo Văn kiện không phải chỉ mới về câu

chữ mà mới từ cách tiếp cận, tầm bao quát, từ những tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu phấn đấu và những định hướng phát triển đất nước trên cơ sở tổng kết nghiêm túc thực tiễn đổi mới đầy sáng tạo của nhân dân ta qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991, trọng tâm là mười năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, sửa đổi năm 2011 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng; từ sự phân tích, dự báo xu thế phát triển của thế giới; nghiên cứu, tiếp thu các thành quả phát triển lý luận.

2. Từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, mỗi kỳ Đại hội Đảng đều có một số điểm nhấn tạo ấn tượng sâu đậm trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, tạo sự thống nhất, đồng thuận, tin tưởng trong Đảng, trong xã hội. Điểm nhấn của Đại hội VI là Đại hội đổi mới; Đại hội VII là Đại hội đề ra Cương lĩnh phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội VIII là Đại hội đề ra chủ trương đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Đại hội IX là Đại hội xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ; Đại hội X là Đại hội tổng kết 20 năm đổi mới, xác định mục tiêu đưa đất nước sớm ra khỏi tình trạng nước kém phát triển; Đại hội XI là Đại hội ban hành Cương lĩnh bổ sung, phát triển và quyết định đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, hội nhập quốc tế; Đại hội XII là Đại hội chủ trương xây dựng, chỉnh đốn

Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế... Vậy điểm nhấn của Đại hội XIII là gì?

Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII có một số điểm nhấn, trong đó có hai thành tố mới được đề cập và nhấn mạnh nhiều lần, từ chủ đề Đại hội, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến



Đất nước ngày càng đổi mới _ Ảnh: IT

lược. Đó là *khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc với mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa và đổi mới sáng tạo*. Đây có thể xem là điểm nhấn trong dự thảo Văn kiện và của Đại hội XIII, phản ánh nhận thức mới của Đảng về sức mạnh nội sinh và phương thức phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là nguồn lực nội sinh, là năng lượng tiềm tàng tạo thành sức mạnh vĩ đại của dân tộc trong thời kỳ mới

3. *Khát vọng*, theo cách hiểu phổ quát, là một trạng thái tinh thần, phản ánh sự ước ao, mong muốn thiết tha của con người về những điều lớn lao, tốt đẹp với sự thôi thúc mạnh mẽ¹. Keth D.Harrel - thuyết trình gia nổi tiếng nước Mỹ, trong nhiều tác phẩm nổi tiếng² đã trình bày sâu sắc, sinh động ý nghĩa của *khát vọng* như là một dạng thức tích cực của thái độ con người đối với cuộc sống. Từ triết lý “thái độ là tất cả”, Keth D.Harrel đã phân tích ý nghĩa lớn lao của *khát vọng*. Theo

ông, *khát vọng* chính là nguồn động lực có sức mạnh vô biên trong mỗi con người, được thể hiện qua những hoạt động không ngơi nghỉ để con người không bao giờ từ bỏ ước mơ, không bao giờ khuất phục trước hoàn cảnh.

Khát vọng phát triển của một dân tộc là sự cộng hưởng những khát vọng vươn lên của cộng đồng, của con người cùng quốc gia - dân tộc, tạo thành nguồn năng lượng nội sinh to lớn, sống động và sức mạnh vô song. Đó chính là động lực trung tâm của một quốc gia - dân tộc trên con đường đi tới tương lai³. Đối với Việt Nam, một dân tộc có truyền thống đoàn kết, văn hiến, anh hùng, *khát vọng phát triển đất nước* thật sự là một sức mạnh nội sinh phi thường, cội nguồn tạo nên những kỳ tích trong suốt tiến trình hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước.

4. Thời trung đại, Việt Nam đánh thắng tất cả các cuộc chiến tranh xâm lược của phong kiến phương Bắc, giữ vững nền độc lập dân tộc, sáng tạo nên nền văn minh Đại Việt rực rỡ không phải chủ yếu bằng tiềm năng quân sự, bằng sức mạnh

vật chất, mà trước hết và chủ yếu bằng sức mạnh quật khởi vĩ đại bắt nguồn từ khát vọng về chủ quyền quốc gia: *sông núi nước Nam vua Nam ở, về một quốc gia Đại Việt vốn xây nền văn hiến đã lâu; núi sông, bờ cõi đã chia, phong tục Bắc, Nam cũng khác* và khát vọng về một đất nước phú cường *non sông nghìn thuở vững âu vàng*.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân Việt Nam đã đã đập tan công xiềng áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến, xây dựng và bảo vệ Nhà nước cách mạng; đánh thắng các thế lực xâm lược hùng mạnh, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những chiến công oanh liệt đó được tạo nên bằng sức mạnh vô địch của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng khởi nguồn từ khát vọng mãnh liệt được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành chân lý: *Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*⁴; *không có gì quý hơn độc lập, tự do*⁵; *nước Việt Nam là*

*một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi*⁶.

Sau khi đất nước thống nhất, tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, với *khát vọng chiến thắng đói nghèo, lạc hậu*, nhân dân đồng lòng tin theo Đảng tiến hành sự nghiệp đổi mới. *Khát vọng ấm no, hạnh phúc* đã chuyển hóa thành sức mạnh to lớn đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX; vượt qua cuộc chấn động chính trị toàn cầu khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên bang Xô viết và Đông Âu sụp đổ và những thử thách khắc nghiệt do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính khu vực những năm 1997-1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu những năm 2008-2009, đưa đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; vượt lên, kiểm chế thành công đại dịch Covid 19, hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất do dịch bệnh gây ra, ổn định

kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, khôi phục, duy trì tăng trưởng. Khát vọng vươn lên của dân tộc được phản ánh cụ thể và vô cùng sinh động qua khát vọng chiến thắng của Đội bóng U23 Việt Nam trong năm 2018, 2019 trên đấu trường khu vực và châu lục. Một đội ngũ cầu thủ được đào tạo bài bản; được tổ chức chặt chẽ, hợp lý; được dẫn dắt bởi một đầu pháp khoa học và, đặc biệt với khát vọng *Việt Nam chiến thắng, Việt Nam vô địch* đã tạo nên kỳ tích trên sân cỏ của Đội U23, thổi bùng lên khát vọng vươn lên mãnh liệt của cả dân tộc. Đây chính là thước đo và cũng là minh chứng cho sức mạnh kỳ diệu của khát vọng vươn lên của toàn dân tộc.

5. Bước bào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, trong Văn kiện trình Đại hội XIII, Đảng chủ trương khơi dậy ở một tầm cao mới *khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc*.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không phải là một huyền tưởng xuất phát từ ngẫu hứng chủ quan, duy ý chí, mà là một khát vọng bắt nguồn từ niềm tin

vững chắc vào cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; vào bản lĩnh và những kinh nghiệm dày dặn mà Đảng, nhân dân ta đã kiểm nghiệm, đúc kết trong thực tiễn lao động, sáng tạo suốt mấy chục năm qua. Đó cũng không phải là khát vọng giản đơn, xuôi chiều, mà là khát vọng được bồi đắp trên cơ sở phân tích, dự báo, lường đoán kỹ lưỡng những thời cơ, thuận lợi có thể nắm bắt, phát huy; đồng thời tinh táo cân nhắc, tính toán những khó khăn, thách thức bên ngoài, những yếu kém, trở ngại bên trong cần phải kiên quyết khắc phục, thích ứng, vượt qua với phương châm dĩ bất biến ứng vạn biến, nhạy bén chớp thời cơ, chủ động ứng phó với nguy cơ, chuyển hóa nguy cơ thành vận hội phát triển.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không chỉ là mơ ước mà là khát vọng mang sức sống hiện thực, được hình thành, bồi đắp trên một cơ tầng khoa học về lộ trình hướng đích với những bước đi được dự liệu rõ ràng. Kế thừa, hoàn thiện những mục tiêu đã được xác định từ

những Đại hội Đảng trước đây; căn cứ vào điều kiện, khả năng thực tế của đất nước và xu thế phát triển của thế giới, Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII xác định các mục tiêu cụ thể: phấn đấu đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, cơ bản có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc gắn liền với quá trình xây dựng và phát huy hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và giá trị chuẩn mực, cùng sức mạnh con người Việt Nam trong thời kỳ mới⁷ gắn liền với phát huy đồng bộ hệ động lực phát triển: dân chủ xã hội chủ nghĩa; đại đoàn kết toàn dân tộc; sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị; nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...⁸.

Đổi mới sáng tạo - động lực thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ

6. Chân lý là cụ thể, cách mạng là

sáng tạo. Đổi mới là một quá trình tạo ra những biến đổi có tính cách mạng. Đổi mới và sáng tạo là hai mặt có quan hệ mật thiết với nhau trong một quá trình phát triển. Trong đổi mới có sáng tạo; sáng tạo gắn liền với đổi mới. Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo từ năm 1986 đến nay là một công trình sáng tạo vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân ta. Đó là một quá trình sáng tạo liên tục nhằm xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn, tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới, cả cơ sở kinh tế lẫn thượng tầng kiến trúc mới, cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần mới⁹.

Sự nghiệp đổi mới kết tinh thành quả sáng tạo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên các lĩnh vực của đời sống đất nước, trên mọi địa bàn với những cấp độ, trình độ khác nhau, từ thấp đến cao, từ bộ phận đến tổng thể, từ chưa hoàn chỉnh đến hoàn chỉnh phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Đổi mới bắt đầu từ sự tổng kết thực tiễn, đúc rút những kinh nghiệm thành công

và chưa thành công, trên cơ sở đó tìm tòi, sáng tạo cách nghĩ, cách làm mới. Đại hội VI của Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới chính là bắt đầu từ những bài học vô cùng sâu sắc được đúc kết từ thực tiễn những năm trước đổi mới và sự tổng kết những mô hình mới, những cách làm sáng tạo của nhân dân. Bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sáng tạo được nâng lên tầm mức mới, dựa trên sự cải tiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào lãnh đạo, quản lý, sản xuất kinh doanh, tạo ra sự phát triển trên các lĩnh vực, các khu vực, các địa bàn... Trình độ sáng tạo trong giai đoạn này có bước tiến mới. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước 35 năm qua gắn liền với quá trình đổi mới, sáng tạo bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân. Tuy nhiên, do trình độ khoa học, công nghệ, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước còn thấp nên cấp độ, hiệu quả sáng tạo ở nước ta còn hạn chế, chưa đủ sức tạo ra những bước phát triển đột phá.

Hiện nay, thế giới đang bước vào một thời kỳ phát triển mới. Cuộc

cách mạng công nghệ mới, được gọi là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang diễn ra với quy mô lớn, tốc độ rất nhanh chưa từng có tiền lệ, với những đột phá về công nghệ, nhất là trên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ người máy, internet kết nối vạn vật, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu... Những đột phá công nghệ tương tác, thúc đẩy nhau đang tạo ra một thế giới số hóa, tự động hóa, mọi hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, thông minh hơn. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, tạo ra cả thời cơ và thách thức với nhiều đột biến trong quản lý, quốc phòng, an ninh, sản xuất kinh doanh, môi trường, sinh hoạt và đời sống xã hội, con người¹⁰.

Các nước đều chú trọng xây dựng, thực thi chiến lược tận dụng thành tựu và ứng phó với những thách thức của cách mạng công nghiệp lần thứ tư - yếu tố quyết định sự phát triển bứt phá hay chậm chễ, tụt hậu của một quốc gia. *Đổi mới sáng tạo* là tư duy mới trong chiến lược phát triển của hầu hết các quốc gia và trở thành ngôn ngữ chung có ý nghĩa toàn cầu,

thể hiện một cấp độ mới, trình độ mới của sáng tạo, đổi mới, phát triển - đổi mới mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trên nền tảng sáng tạo và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ để tạo ra chất lượng mới, những giá trị mới trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, trong sản phẩm hàng hóa nói riêng. Phát triển *hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia*, nâng cao *chỉ số đổi mới sáng tạo* là công việc đang thu hút sự nỗ lực của các nước, các cộng đồng lao động sáng tạo trên toàn thế giới.

Với tư duy nhạy bén, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và *đổi mới sáng tạo*, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc biệt, ngày 27 tháng 9 năm 2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 52 “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Nghị quyết nêu 4 quan điểm chỉ đạo, trong đó nhấn mạnh: “Chủ động, tích cực tham gia cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội..., coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội”; “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phù hợp. Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho *đổi mới sáng tạo*”¹¹.

Tư duy nhạy bén và tinh thần của Nghị quyết 52 Bộ Chính trị được khẳng định, nâng tầm trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII và *đổi mới sáng tạo* có thể xem là một điểm nhấn của Đại hội.

Cần hiểu đúng về *đổi mới sáng tạo* để thống nhất nhận thức, hành động trong toàn Đảng, toàn xã hội.

Đổi mới sáng tạo với triết lý *không có gì là không thể* là thuộc tính quan trọng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phản ánh tư duy và

phương thức phát triển mới mang tính phổ biến của toàn nhân loại. Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng trực tiếp, sâu rộng, chúng ta cần tiếp cận, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, những giá trị trí tuệ mới, những kinh nghiệm thành công của thế giới để tiến cùng thời đại. Hơn nữa, *đổi mới sáng tạo* chính là sự phát triển hợp qui luật ở tầm vóc, trình độ mới quá trình đổi mới vốn có của Đảng, nhân dân ta trong hơn ba thập kỷ qua; là động lực tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đáp ứng yêu cầu dựng xây đất nước trong thời kỳ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của đổi mới, sáng tạo. Sinh thời, Người căn dặn: Thế giới ngày ngày đổi mới, xã hội ngày một phát triển, nhân dân ngày càng tiến bộ, do vậy cán bộ, đảng viên không thể “giữ cái kẹp giấy cũ không thay đổi”, “tư tưởng, hành động cũng phải phát triển”¹².

Đổi mới sáng tạo phải được tiến hành đồng thời, đồng bộ cả về tư duy và hành động, phải “đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới

phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ...”¹³.

Công cuộc đổi mới ở nước ta được bắt đầu từ sự đổi mới tư duy của Đảng, trước hết là tư duy kinh tế theo nguyên tắc tôn trọng và làm theo qui luật khách quan. Bối cảnh của thế giới ngày nay đang xuất hiện rất nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mới mẻ, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, nâng tầm trí tuệ, dẫn dắt đất nước tiến kịp và tiến cùng thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực, ngài sáng truyền lại bài học lớn về phong cách tư duy đổi mới: nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh dạn sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với thực tiễn¹⁴. *Đổi mới sáng tạo* về tư duy cần nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa “kiên định và đổi mới, vận dụng sáng tạo” theo phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định phải gắn liền với sáng sáng tạo và sáng tạo phải trên cơ sở kiên định, phù hợp với thực tiễn, với yêu cầu đổi mới, hội nhập, phát triển đất

nước. Kiên định một cách máy móc thì dễ dẫn đến giáo điều, cứng nhắc, bảo thủ, trì trệ, nhưng nếu không kiên định, mà đổi mới sáng tạo một cách vô nguyên tắc cũng rất dễ rơi vào chủ nghĩa xét lại, chệch hướng, “đổi màu”¹⁵.

Trong hoạt động thực tiễn, *đổi mới sáng tạo* phải được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực với nhiều giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình, bước đi được tính toán kỹ lưỡng, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế đất nước, tránh nôn nóng, duy ý chí dẫn đến phiêu lưu, mạo hiểm hoặc bàng quan, do dự, ngại khó ngại khổ, chậm trễ, bỏ lỡ thời cơ phát triển. Cần chú trọng xây dựng môi trường thể chế thuận lợi; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ; thúc đẩy phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông..., tạo những tiền đề thiết yếu để thực hiện *đổi mới sáng tạo* có kết quả. Ưu tiên thúc đẩy *đổi mới sáng tạo* trong phát triển công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản trị... từng bước hình thành

kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, tạo ra những giá trị mới và sức mạnh tổng hợp mới của đất nước. Thước đo tính hợp lý của *đổi mới sáng tạo* là hiệu quả phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân theo chân lý Hồ Chí Minh: “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý”¹⁶.

Đổi mới sáng tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, những người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, phải đi tiên phong, nêu gương sáng dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự nghiệp chung; đội ngũ trí thức, doanh nhân đóng vai trò nòng cốt trong lao động, sáng tạo; động viên, phát huy vai trò chủ thể và sức sáng tạo vĩ đại của nhân dân; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam.

Với khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc được thúc đẩy bằng động lực đổi mới sáng tạo, nhất định đất nước ta sẽ “bước tới đài vinh quang để sánh vai cùng các cường quốc năm châu”

trong thế kỷ XXI như tâm nguyện mong ước cháy bỏng của toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại¹⁷ và tộc ta ■

^{1, 8, 16} Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới*, Tạp chí Cộng sản, số 949 (9-2020).

² Wiktionary; Hồ Ngọc Đức: *Dự án Từ điển Tiếng Việt miễn phí*.

³ Keth D. Harrel: *Cám ơn cuộc sống*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015; *Thay đổi thái độ - Đổi cuộc đời 2, 3*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

⁴ Vũ Minh Khương: *Việt Nam 2045: tầm nhìn, khát vọng và sứ mệnh lịch sử*, Tạp chí Khoa học, công nghệ Việt Nam điện tử, 17/1/2020; *Khát vọng đổi mới để phát triển*, baodauthau.vn, 12/2/2018.

^{5, 7} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534, 280.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr.131.

⁹ ĐCSVN: *Dự thảo các Văn kiện trình đại hội XIII của Đảng* (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), tháng 4-2020.

¹⁰ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7 (1976), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.504-505.

¹¹ Nguyễn Thông: *CMCN4 - Một số đặc trưng, tác động và hàm ý chính sách cho Việt Nam*, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Trang ngoại giao kinh tế trực tuyến, 13/12/2016.

¹² Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019, của Bộ Chính trị “*Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”, tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.55; t.10, tr.377.

¹⁴ Trường Chinh: *Đổi mới chính là đòi hỏi bức thiết của đất nước, của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.66.

¹⁵ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.219.

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.378.

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.35.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THẬP NIÊN TỚI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Thế giới trong thập niên tới có những chuyển biến lớn với nhiều sự kiện diễn ra một cách nhanh chóng, bất ổn, bất định, khó lường. Nhưng trong sự phức tạp, ngổn ngang, đầy mâu thuẫn ấy, vẫn có thể tìm ra những nét chung nhất, tác động đến chiều hướng vận động, phát triển của thế giới và của mỗi nước. Tổng hòa những nét chung ấy tạo nên một diện mạo hay còn gọi là cục diện thế giới. Trong các giai đoạn lịch sử đầy sáng tạo của cách mạng Việt Nam, nhất là gần 35 năm đổi mới vừa qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến việc nhìn nhận cục diện thế giới, phân tích những tác động của

tình hình thế giới đối với các nước nói chung và đối với Việt Nam nói riêng, từ đó dự liệu những định hướng, chính sách phát triển đất nước theo dòng thời cuộc.

I. Về cục diện thế giới và khu vực

Có thể quan niệm cục diện thế giới là tình hình mọi mặt của thế giới, là bức tranh toàn cảnh phản ánh tổng quan lực lượng và quan hệ giữa các chủ thể của quan hệ quốc tế, trước hết là các cường quốc, các trung tâm quyền lực lớn trong một phạm vi không gian và ở một khung thời gian nhất định. Về nội hàm, cục diện thế giới bao quát tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, quân sự đến văn hóa, tôn giáo... Về khung thời gian, có

thể là một thời điểm hay một khoảng thời gian cụ thể là vài năm. Theo đó, cục diện thế giới là bức tranh toàn cảnh của diện mạo thế giới trên một “lát cắt” thời gian cụ thể.

Việc nghiên cứu cục diện thế giới tập trung vào trạng thái “tĩnh” của tình hình thế giới không mâu thuẫn với bản chất “động” của tình hình và quan hệ quốc tế luôn luôn biến đổi do tác động của các nhân tố chủ quan (chiến lược, chính sách của các chủ thể) và khách quan, nhất là các xu thế lớn của thế giới. Các nhân tố này làm thay đổi tương quan lực lượng và quan hệ giữa các chủ thể và do đó làm thay đổi cục diện - điều có thể quan sát được qua đánh giá và phân tích trong một hoặc nhiều “lát cắt”¹.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa

cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thử thách lớn. Các nước đang phát triển, nhất là các nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thức chiến tranh kiểu mới.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn nhiều biến động khó lường. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự

bất ổn định về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiện tượng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới”...²

Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành Cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức bên trong và bên ngoài...

Để nhận rõ tình hình thế giới trong thập niên tới, có thể căn cứ vào một số nội dung chính yếu.

Thứ nhất, xu hướng đa cực, đa trung tâm và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn

Thực tế cho thấy trong tương quan lực lượng trên thế giới hiện nay, Mỹ tiếp tục duy trì được tiềm

lực mạnh nhất cả về chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ và quân sự trong vòng 10-15 năm tới. Tuy nhiên sức mạnh tương đối so sánh với các nước lớn khác đang bị thu hẹp, vị trí số một thế giới của Mỹ ngày càng bị thách thức và có nguy cơ bị một số nước vượt qua trong một số lĩnh vực nhất định.

Trong khi đó, Nga mặc dù đang gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng vẫn khẳng định vai trò của một cường quốc, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ trong việc can dự và giải quyết nhiều vấn đề lớn của thế giới. Nga đã thành công trong việc bảo vệ lợi ích chiến lược tại Ucraina và nhiều khu vực khác trong không gian “hậu Xô viết”, ngăn chặn đáng kể bước “Đông tiến” của Mỹ và NATO; tham gia trực tiếp vào cuộc chiến chống IS và ngăn chặn Mỹ - Phương Tây can thiệp quân sự sâu vào Syria. Mục tiêu lâu dài của Nga là khôi phục lại vị thế siêu cường của Liên Xô trước đây, song tới năm 2020, vị thế của Nga vẫn chưa được cải thiện đáng kể.

Đến năm 2020, Nhật Bản vẫn là cường quốc kinh tế thế giới nhưng

nhiều khả năng sẽ bị Ấn Độ thách thức ở vị trí số 3. Mục tiêu chiến lược của Nhật Bản là trở thành một cường quốc phát huy ảnh hưởng cả về kinh tế, chính trị và quân sự trong khu vực và trên thế giới. Về đối ngoại, chính phủ Nhật Bản triệt để phát huy công cụ “ngoại giao kinh tế”, sửa đổi Hiến pháp, gỡ bỏ một số ràng buộc nội bộ để tăng quyền tự do hành động trong một số vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, tăng cường quan hệ đồng minh với Mỹ, cùng Mỹ liên kết chặt chẽ và chia sẻ trách nhiệm. Ở khu vực, Nhật Bản tập trung xử lý quan hệ với Trung Quốc, mức độ tùy thuộc lợi ích kinh tế giữa Nhật Bản và Trung Quốc tiếp tục gia tăng nhưng căng thẳng nhất là tranh chấp trên biển ngày càng gia tăng. Nhật Bản quan tâm hơn tới các nước Đông Nam Á vì lợi ích chiến lược và lợi ích kinh tế, tham gia tích cực hơn các cơ chế hợp tác do ASEAN chủ đạo để có vai trò lớn hơn.

Nhiều dự báo cho thấy, đến năm 2020, Ấn Độ sẽ rút ngắn khoảng cách với Nhật Bản để chuẩn bị trở thành nền kinh tế thứ 3 thế giới,

thậm chí có thể ở vị trí cao hơn vào năm 2050. Về đối ngoại, Ấn Độ tiếp tục duy trì cân bằng quan hệ với các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc, nhưng cạnh tranh lợi ích và ảnh hưởng với Trung Quốc sẽ gay gắt hơn. Ấn Độ tiếp tục khẳng định ảnh hưởng của mình ở khu vực Nam Á và Ấn Độ Dương, đẩy mạnh chiến lược “hướng Đông” và gia tăng ảnh hưởng ở Đông Nam Á và Đông Á, quan tâm hơn đến an ninh biển và bảo vệ trật tự trên biển.

Liên minh châu Âu (EU) có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị trên thế giới. Các thành viên trong EU sẽ tiếp tục duy trì quan hệ đồng minh chiến lược với Mỹ trong các vấn đề toàn cầu; tăng cường liên kết quốc phòng để tự phòng thủ và bảo vệ quyền lợi ở các khu vực cận kề châu Âu; tiếp tục nâng cao vai trò và vị thế của EU trên cơ sở đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đa phương quốc tế; quan tâm hơn tới quan hệ với các nước châu Á - Thái Bình Dương, trong đó chú trọng thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc về kinh tế. Hiện tại nội bộ EU và trong từng nước của EU cũng

đang nảy sinh những thách thức chưa từng có về khủng hoảng người tị nạn, nợ công, nguy cơ khủng bố và đặc biệt là việc Anh ra khỏi EU.

Một trong những đối thủ nặng cân nhất cạnh tranh vị trí của Mỹ trong trật tự thế giới là Trung Quốc. Với mục tiêu chiến lược xuyên suốt là vươn lên thành cường quốc số 1 thế giới, Trung Quốc tập trung phát triển kinh tế và đầu tư mạnh về quân sự. Trung Quốc tuyên bố “vĩnh viễn không xưng bá, vĩnh viễn không bành trướng”, nhưng lại nhấn mạnh nhiệm vụ hàng đầu của chính sách đối ngoại là kiên quyết bảo vệ chủ quyền, an ninh và lợi ích phát triển quốc gia, “quyết không khuất phục trước bất cứ sức ép nào từ bên ngoài”. Trung Quốc đòi hỏi “quyền lợi và nghĩa vụ cân bằng” khi tham gia quản trị toàn cầu; ưu tiên các cơ chế khu vực và liên khu vực mà Trung Quốc có lợi ích, hướng các cơ chế này vào phục vụ tốt nhất cho lợi ích của Trung Quốc. Trung Quốc đang từng bước từ bỏ chính sách “giấu mình chờ thời”; tự tin và thực dụng hơn trong đối ngoại; sử dụng mạnh hơn “con bài kinh tế” trong quan hệ

với các nước; chủ động và cứng rắn hơn trong quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng, nhất là trong những vấn đề Trung Quốc coi là có lợi ích “cốt lõi”; Trung Quốc đang từng bước thúc đẩy thay đổi trật tự khu vực và thế giới.

Thực tế tình hình trên cho thấy trật tự thế giới đang trong quá trình diễn biến nhanh chóng theo hướng đa trung tâm, đa cực.

Thứ hai, các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng

Ngày nay tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, nghèo đói và dịch bệnh, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng. Đại dịch Covid-19 với sức tàn phá vô cùng nhanh chóng trên khắp thế giới thực sự đã trở thành thảm họa của nhân loại. Bên cạnh đó, cạn kiệt tài nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước cũng đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của nhiều

nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Cùng với những vấn đề đe dọa an ninh toàn cầu và an ninh phi truyền thống nêu trên, an ninh biển cũng đang nổi lên trong thời gian tới. An ninh biển không chỉ liên quan đến an toàn các tuyến đường hàng hải mà ngày càng mở rộng ra các khía cạnh khác như an ninh môi trường biển, các nguồn lợi hải sản. Do tác động của việc gia tăng các tranh chấp biển, đảo và các chuyển biến của an ninh phi truyền thống khác, an ninh biển sẽ trở thành một trong những vấn đề chi phối quan hệ giữa các nước.

Trong một bài phát biểu của mình, cựu Tổng Thư ký Liên hợp quốc Bakimun đã nhận xét: “chân trời có vẻ tối đi”. Thế giới đang ở trong thời kỳ có nhiều xáo động. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên rất mạnh, chủ nghĩa phân hóa cũng đang phát triển và những tư tưởng cũng như hành vi công quyền, cực đoan đang trở dậy. Vấn

đề dân tộc, tôn giáo chưa bao giờ phức tạp như bây giờ. Tất cả những điều đó không thể giải quyết trong một sớm, một chiều, mà sẽ kéo dài, vô cùng phức tạp.

Thứ ba, về tình hình kinh tế thế giới

Thực tế hiện nay và dự báo trong thập kỷ tới, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, địa vị của các nền kinh tế lớn trên thế giới đang bị xáo trộn. Nổi bật nhất là sự phát triển kinh tế của các nước gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Hậu quả của khủng hoảng kinh tế toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra ảnh hưởng tới nhiều nước, nhất là một số nền kinh tế lớn. Kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ suy giảm nghiêm trọng, khu vực đồng tiền chung Châu Âu vừa gặp phải một cú sốc mạnh là nước Anh rời khỏi EU, nay lại vấp vào cuộc khủng hoảng này nên sẽ gặp nhiều thách thức. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng đang chậm dần lại bởi thêm thiên tai và dịch bệnh nên càng đối mặt với những khó khăn chồng chất. Hiện tại các nước phải tập trung cấu trúc lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hướng tới phát triển

trong điều kiện mới nhưng vẫn chưa thể lấy lại đà tăng trưởng một cách mạnh mẽ trong những năm tới.

Thứ tư, về tình hình khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Về kinh tế, Châu Á - Thái Bình Dương luôn chiếm tỷ trọng lớn trong kinh tế thế giới. Chỉ riêng các nền kinh tế thành viên Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đã chiếm hơn 40% dân số, 55% tổng GDP và 44% thương mại thế giới. Những năm qua, trong khi các khu vực khác gặp khó khăn kinh tế, các nước châu Á - Thái Bình Dương vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao và trở thành đầu tàu phục hồi kinh tế thế giới.

Về chính trị, châu Á - Thái Bình Dương trở thành một trong những khu vực biến động nhất thế giới. Tính chất phức tạp của tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo ở khu vực; quá trình Trung Quốc vươn ra cả về kinh tế và quân sự cùng với việc Mỹ thúc đẩy chiến lược tăng cường sự hiện diện mọi mặt, nhất là về an ninh, quân sự làm cho khu vực luôn ở trạng thái hòa dịu xen lẫn căng thẳng. Các vấn đề do lịch sử để lại,

tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo và những biến động chính trị, chiến lược cũng làm cho chủ nghĩa dân tộc ở một số địa bàn nổi lên mạnh mẽ.

ASEAN và từng nước thành viên đều đứng trước nhiều cơ hội và thách thức. Tốc độ liên kết còn chậm. Việc xây dựng cộng đồng có tiến triển nhưng mức độ thực chất còn thấp. ASEAN tiếp tục là một tổ chức chưa thật chặt chẽ nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong việc điều hòa lợi ích giữa các nước lớn đối với khu vực.

II. Những tác động đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Nhìn nhận từ cục diện, xu hướng phát triển của tình hình thế giới và hướng chiến lược, chính sách của các nước lớn có thể đưa đến những tác động đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của nước ta theo chiều thuận và không thuận.

1. Tác động thuận

Thứ nhất, quá trình toàn cầu hóa cùng với xu hướng phát triển của các liên kết tiểu khu vực, khu vực, liên khu vực tạo ra những cơ hội để có thể tranh thủ mở rộng thị trường, thu hút đầu tư vốn và công nghệ để

phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quá trình chuyển dịch mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu của các nền kinh tế lớn và các tập đoàn đa quốc gia, tăng cường đầu tư trực tiếp vào nước ta sẽ tạo cơ hội gia tăng liên kết và đan xen lợi ích giữa Việt Nam và các nước, góp phần bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định.

Thứ hai, từ những yếu tố ràng buộc, tác động tùy thuộc lẫn nhau tạo ra môi trường thuận lợi để có thể tập trung cho phát triển; cả các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản đều tránh đối đầu trực tiếp, thỏa hiệp giải quyết những mâu thuẫn về lợi ích, bất đồng. Các nước lớn gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng nhưng đều có lợi ích chung trong việc duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển Cộng đồng nhưng vẫn tiếp tục duy trì vai trò trung tâm trong các tiến trình hợp tác ở khu vực. Ở mức độ khác nhau, các nước đều quan tâm đến và mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam.

Thứ ba, với vị trí địa chính trị, địa kinh tế và là một nước lớn ở Đông

Nam Á, một thành viên có vai trò ngày càng quan trọng trong ASEAN, Việt Nam có cơ hội tranh thủ tất cả các nước bên trong và ngoài khu vực phục vụ cho mục tiêu bảo đảm an ninh và thúc đẩy phát triển.

Thứ tư, Việt Nam có cơ hội phát huy vai trò tích cực trong quá trình hình thành kiến trúc khu vực, có điều kiện để nâng cao vị thế và sử dụng vị thế của mình để phục vụ hiệu quả hơn cho mục tiêu phát triển phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kể cả mục tiêu cụ thể trong quan hệ với các đối tác chủ chốt, nhất là các nước lớn.

2. Tác động không thuận

Thứ nhất, cạnh tranh ngày càng gay gắt, quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và cuộc đua về kinh tế trong quá trình hội nhập có thể đẩy Việt Nam vào thế bất lợi (chuyển giao công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường; khai thác kiệt quệ tài nguyên...), gia tăng nguy cơ tụt hậu xa hơn với các nước trong khu vực và rơi vào bẫy thu nhập trung bình thấp.

Thứ hai, nguy cơ rơi vào thế “kẹt” giữa Mỹ và Trung Quốc trong một số

vấn đề, hoặc là bị cả hai bên lôi kéo, hoặc là phải ở thế “luỡng đầu thọ địch”; vấn đề Biển Đông vẫn còn diễn biến phức tạp.

Thứ ba, thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống có thể nghiêm trọng hơn. An ninh kinh tế, nhất là an ninh tài chính, an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp. Các diễn biến tiêu cực về kinh tế - xã hội trong nước cùng với sự lợi dụng phá hoại của các thế lực thù địch bên ngoài có thể tác động tới an ninh chính trị, ổn định xã hội của đất nước.

III. Những vấn đề đặt ra và hướng giải quyết

Hiện nay, trong quan hệ quốc tế đang hình thành những mối liên kết, liên minh, tập hợp lực lượng đan xen nhau rất linh hoạt, co giãn và cơ động tùy theo vấn đề, tùy theo khu vực, tùy theo thời điểm và tùy theo lợi ích. Tất cả điều đó tạo ra những thời cơ và thách thức mới, tác động tới quốc phòng và an ninh của nước ta cả theo chiều thuận và không thuận. Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để có thể nắm chắc tình hình, tận dụng thời cơ, vượt qua thách

thức đưa đất nước tiếp tục phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể nêu những vấn đề vừa cơ bản, vừa bức thiết đang đặt ra và hướng giải quyết như sau:

1. *Công tác dự báo của Việt Nam còn có mặt hạn chế. Vì vậy cần đặc biệt coi trọng công tác dự báo chiến lược, trong đó các lĩnh vực tình báo và nghiên cứu khoa học về an ninh - quân sự đóng vai trò quan trọng; đổi mới tư duy an ninh quốc gia trong tình hình mới.* Phải xác định đúng vị thế quốc gia hiện tại và dự báo tương lai, lợi ích quốc gia trước mắt và lâu dài, thực lực và tiềm lực quốc phòng - an ninh; trên cơ sở đánh giá và dự báo sát tình hình để hoạch định chính xác *định hướng phát triển đất nước* trong giai đoạn mới.

2. *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là vấn đề cốt lõi trong quan hệ với quốc tế nên cần xây dựng chiến lược đối ngoại dài hạn trong quan hệ với các khu vực, với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống.* Đẩy mạnh công tác đối ngoại (cả chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh) theo phương châm “Việt Nam là bạn,

đối tác tin cậy và có trách nhiệm của các nước trên thế giới”. Thường xuyên chăm lo củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, hướng tới thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với tất cả các nước ASEAN, củng cố đoàn kết nội bộ khối, tích cực thúc đẩy xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN, giữ vững, duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN trong các vấn đề khu vực. Chủ động tăng cường quan hệ với Trung Quốc và cân bằng hợp lý quan hệ chiến lược với các nước lớn khác, tránh bị phụ thuộc vào một nước lớn nào đó. Trên cơ sở chính nghĩa và luật pháp quốc tế, giữ gìn hòa bình và ổn định, linh hoạt ứng xử trong các vấn đề quốc tế, không để bất cứ bên nào lôi kéo cuốn vào vòng tranh chấp.

3. *Nền kinh tế của Việt Nam còn nhiều điểm yếu kém khi hội nhập đặt ra yêu cầu cần phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, phát triển bền vững, độc lập, tự chủ.* Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao

động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Coi trọng xây dựng đội ngũ doanh nhân tài đức song toàn. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, tăng cường quản lý vĩ mô, quản lý rủi ro; đổi mới hoạt động giám sát các nguồn vốn đầu tư nước ngoài; bảo hộ thích đáng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước.

4. *Trước những thách thức mới của tình hình thế giới và khu vực cùng với một số diễn biến phức tạp trong nước, nhiệm vụ đặt ra là hiện đại hóa Quân đội, tăng cường khả năng và tiềm lực quốc phòng đủ sức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và các lợi ích quốc gia, tăng cường tiềm lực an ninh để giữ vững an ninh chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong nước. Kết hợp xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững mạnh, tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ quốc tế, đấu tranh ngoại giao để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.*

5. *Phải tạo lập thế và lực mới của đất nước trên cơ sở củng cố, tăng*

cường và phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng, các cấp, các ngành, các lĩnh vực của đất nước (nhất là sức mạnh của hệ thống chính trị làm nòng cốt) kết hợp sức mạnh trong nước với sự ủng hộ quốc tế để bảo vệ an ninh quốc gia. Tham khảo các mô hình quản lý và phát triển kinh tế - xã hội mà các nước láng giềng, bè bạn đã thực hiện thành công để có thể áp dụng vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước Việt Nam một cách hợp lý.

6. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định để phát triển đất nước và hội nhập quốc tế nên cần tăng cường công tác chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội

trong sạch, vững mạnh, ổn định tình hình chính trị trong nước. Lấy dân làm gốc, khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài, phát huy dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, tham nhũng; nâng cao đời sống nhân dân. Chủ động hóa giải các mâu thuẫn trong nhân dân, củng cố niềm tin của người dân đối với Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới ■

(1) Xem: GS, TS Phùng Hữu Phú - PGS, TSKH Nguyễn Văn Đăng, PGS, TS Nguyễn Viết Thông: *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.76.

(2) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.71-73.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẬN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Cơn bão COVID-19 bùng phát và lan nhanh trên phạm vi toàn thế giới vào đầu năm 2020. Tác động của đại dịch bị khuếch đại bởi quá trình toàn cầu hóa, sự kết nối và tương thuộc chặt chẽ lẫn nhau giữa các nền kinh tế, sự di chuyển dễ dàng của người dân từ nước này sang nước khác, từ vùng này sang vùng khác. Tác động của đại dịch COVID-19 lên nền kinh tế thế giới và Việt Nam là chưa từng có tiền lệ.

Cho tới nay, dịch bệnh COVID-19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới, tác động tiêu cực lên hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu và Việt Nam, đe dọa đến tăng trưởng kinh tế, phát triển doanh nghiệp và thu nhập của người lao động.

Bài viết tập trung phân tích tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam, từ đó gợi mở các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro của dịch bệnh lên nền kinh tế, đảm bảo tăng trưởng hợp lý, giữ ổn định kinh tế và cấu trúc xã hội, tạo cơ sở cho tăng trưởng kinh tế bền vững trong những năm tới.

1. Tác động của đại dịch COVID-19 đến kinh tế thế giới

Tính đến sáng ngày 7/9/2020, cả thế giới có gần 27,5 triệu người bị mắc covid-19, trong đó có 19,3 triệu người đã được chữa trị khỏi, 886 585 người tử vong¹. Mỹ là quốc gia có số ca nhiễm vi-rút SARS-CoV-2 lớn nhất, gần 6,5 triệu người, tiếp đến là Ấn Độ, Brazil, Nga, Nam Phi... Số ca nhiễm và tử vong do vi-rút SARS-CoV-2 gây ra chưa có dấu hiệu dừng lại mà vẫn tiếp tục tăng từng ngày

trên thế giới. Tại Việt Nam, sau hơn 3 tháng không phát hiện thêm ca lây nhiễm trong cộng đồng, thì những ngày cuối tháng 7, những ca bệnh mới đã được phát hiện mà chưa tìm được nguồn lây bệnh. Tính cho đến ngày 7 tháng 9, Việt Nam ghi nhận 1049 ca mắc Covid-19 và số người tử vong là 35 người².

Sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 trên thế giới và quay trở lại tại Việt Nam mà chưa có vắc-xin điều trị buộc các quốc gia phải sử dụng các biện pháp như giãn cách xã hội, đeo khẩu trang nơi công cộng, rửa tay thường xuyên, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.

Đại dịch COVID-19 đang tác động mạnh mẽ lên chuỗi giá trị toàn cầu thông qua các trung tâm của chuỗi. Trong đại dịch COVID-19, các quốc gia chịu tác động nặng nề cũng là các trung tâm của mạng sản xuất toàn cầu như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ. Khi đại dịch bùng nổ, các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện, nhiều hoạt động sản xuất tạm dừng lại. Chuỗi cung ứng bị đứt đoạn ảnh hưởng đến các

hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu, từ đó làm suy giảm tăng trưởng nền kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, khu vực nói riêng.

Do tác động của COVID-19, đầu tư trực tiếp nước ngoài toàn cầu năm 2020 được Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đánh giá sẽ thu hẹp “từ mức 1.540 tỷ USD năm 2019 xuống dưới 1.000 tỷ USD”. Theo dự báo của UNCTAD, năm 2021 dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ giảm thêm 5-10% và có thể bắt đầu phục hồi từ năm 2022³. Cho đến nay [5/8/2020], dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới, khả năng dòng FDI phục hồi là rất mờ nhạt.

Thương mại toàn cầu - gắn kết chặt chẽ với chuỗi cung ứng và dòng FDI toàn cầu - cũng đang chịu tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19. Vào ngày 4/8/2020, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã dự báo thương mại toàn cầu giảm 13% trong năm 2020. Cấu trúc sản xuất toàn cầu mang tính tập trung cao độ, một số trung tâm lớn trên thế giới cung ứng đầu vào, đóng vai trò quan trọng

trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu, vì thế cú sốc COVID-19 tác động đến các trung tâm sản xuất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, một số quốc gia chuyển sang “tự cung tự cấp” trong thời kỳ dịch bệnh như một biện pháp phản ứng trước đại dịch COVID-19 sẽ càng làm cho thương mại toàn cầu thêm tồi tệ⁴.

Đại dịch COVID-19 tác động đến hai trụ cột trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu là thương mại và đầu tư, do đó cũng sẽ tác động làm suy giảm tăng trưởng sản lượng toàn cầu. Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) vào ngày 24/6, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm nay [2020] ước giảm 4,9%. Dự báo của IMF cũng phản ánh tình hình kinh tế thế giới ngày càng tồi tệ hơn khi mà vào tháng 4, IMF dự báo tăng trưởng thế giới giảm 3%. Dự báo của Ngân hàng Thế giới cho nền kinh tế toàn cầu thậm chí còn tồi tệ hơn, tổ chức này dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm 5,2% năm 2020. Tăng trưởng kinh tế Mỹ được IMF dự báo giảm 8%, tăng trưởng của

khuvực đồng tiền chung châu Âu giảm 10,5%, Nhật Bản giảm 5,8% và Trung Quốc tăng trưởng ở mức thấp 1%. Tăng trưởng kinh tế thế giới và tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ là bạn hàng thương mại lớn của Việt Nam suy giảm sẽ tác động trực tiếp đến thương mại, đầu tư của nền kinh tế nước ta.

Tác động của COVID-19 đến việc làm toàn cầu cũng rất mạnh mẽ. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (ILO), trong quý II/2020, “tổng số giờ làm việc toàn cầu đã giảm 14%”, “tương đương 400 triệu lao động toàn thời gian”. Mức giảm việc làm toàn cầu còn mạnh hơn so với dự báo trước đó của ILO (Nhật Đăng, 2020). Suy giảm việc làm bên cạnh nguyên nhân sản xuất đi xuống, còn do việc nhiều quốc gia thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để chống sự bùng phát của vi-rút SARS-CoV-2.

Đại dịch COVID-19 còn làm bộc lộ những điểm yếu của các tổ chức và hệ thống toàn cầu như hệ thống y tế thế giới khi mà Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) được cho là phản ứng quá chậm chạp khi để dịch bệnh bùng phát.

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 cũng đem đến những nhìn nhận mới rõ nét hơn về cơ hội phát triển. Chẳng hạn, trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 và thực hiện giãn cách xã hội, các cuộc họp, học, hội thảo trực tuyến nở rộ ở các quy mô và cấp độ khác nhau cho thấy tiềm năng của mạng internet đã chưa được khai thác một cách đầy đủ từ trước đến nay. Chẳng hạn, Quốc hội Việt Nam đã có những phiên họp trực tuyến mang tính tiên phong; Đại hội đồng Liên hợp quốc tổ chức họp trực tuyến lần đầu tiên trong lịch sử vào những ngày tháng 6 - thời điểm dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp khó lường; hay Đại hội đồng liên Nghị viện ASEAN sẽ dự kiến họp trực tuyến trong tháng 9/2020. Nhiều trường học các cấp, nhiều cuộc họp trong và ngoài nước đã tiến hành trực tuyến. Điều này giúp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu thời gian đi lại cho mọi người. Tuy nhiên, *thể chế đi liền với đó cũng cần có sự thay đổi để đáp ứng trước quá trình chuyển đổi số đó.*

Tóm lại, đại dịch COVID-19 là cú sốc y tế mạnh mẽ, tác động đến mọi

mặt lên nền kinh tế thế giới. Tăng trưởng toàn cầu và của nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư và thương mại toàn cầu suy giảm; người lao động mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khó khăn dịch bệnh mang lại, cũng có những cơ hội xuất hiện, nhất là những hoạt động kinh tế - xã hội trực tuyến như bán hàng trực tuyến, học trực tuyến, họp trực tuyến và thậm chí có những doanh nghiệp có kế hoạch dài hạn cho nhân viên làm việc trực tuyến tại nhà. COVID-19 đang đẩy nhanh quá trình ứng dụng và cho ra đời những sản phẩm mới từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Và như vậy, đại dịch đem đến cho thế giới những khó khăn, thách thức; nhưng đồng thời cũng đem đến cơ hội. Quốc gia nào biết tận dụng cơ hội sẽ có khả năng vươn lên mạnh mẽ sau đại dịch. Và ngược lại, quốc gia nào không tận dụng tốt cơ hội sẽ gặp nhiều khó khăn trong thời kỳ “hậu COVID”.

2. Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam

Qua gần 35 năm đổi mới (1986-2020), nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tăng

trường kinh tế luôn ở mức dương, có nhiều năm tăng trưởng đạt mức cao trên dưới 8%; tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ 58% năm 1993 xuống 11,3% năm 2009 và xuống còn chưa đến 4% vào năm 2019; thu nhập người dân được cải thiện rõ rệt, đời sống người dân nâng cao. Tuy nhiên, cũng trong hơn 3 thập niên đổi mới, nền kinh tế Việt Nam nhiều lần chịu tác động bởi các cú sốc bên ngoài như cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 và cú sốc dịch tế vào năm 2020. Khác với 2 cú sốc trước là cú sốc tài chính - tiền tệ, cú sốc COVID-19 lần này chưa từng có tiền lệ, tác động mạnh mẽ lên nhiều nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Mặc dù tác động của đại dịch COVID-19 lên nền kinh tế nước ta qua nhiều khía cạnh, nhưng chủ yếu qua 2 yếu tố chính là cung và cầu. Đối với yếu tố cầu, dịch bệnh COVID-19 cùng với việc thực hiện biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào đầu tháng 4/2020 tại

nước ta làm tiêu dùng trong nước sụt giảm mạnh. Trong khi đó, các nền kinh tế lớn (Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc) cũng chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh và thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội dẫn đến tăng trưởng kinh tế suy giảm, kéo theo sự sụt giảm về cầu nhập khẩu, trong đó có hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2020), trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2019 và nếu loại trừ yếu tố giá thì còn giảm mạnh hơn, giảm 5,3% (cùng kỳ năm 2019 tăng 8,5%). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019, những mặt hàng thiết yếu đối với cuộc sống như lương thực, thực phẩm; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng; nhưng những mặt hàng như may mặc; phương tiện đi lại; vật phẩm văn hóa, giáo dục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các biện pháp giãn cách xã hội lại có tốc độ giảm.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn

uống giảm tới 18,1% so với cùng kỳ năm 2019; doanh thu du lịch lữ hành giảm tới 53,2% - đây là lĩnh vực chịu tác động nghiêm trọng nhất bởi dịch bệnh COVID-19 và từ việc thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội.

Đối với cấu đầu tư, 6 tháng đầu năm 2020, vốn đầu tư toàn xã hội tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước - mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020, trong đó khu vực Nhà nước tăng 7,4%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 4,6% và đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 3,8% (Tổng cục Thống kê, 2020). Làm phép so sánh với năm 2019 để cho thấy dịch bệnh COVID-19 tác động đến nhu cầu vốn của khu vực nào là mạnh nhất. Trong 6 tháng đầu năm 2019, vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước tăng 3%, khu vực ngoài nhà nước tăng 16,4% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 9,7%. Như vậy, nhu cầu đầu tư của 2 khu vực: khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sụt giảm trong 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng

kỳ năm trước. Vốn đầu tư khu vực FDI giảm mạnh nhất, từ tăng trưởng 9,7% năm 2019 xuống tăng trưởng âm 3,8% năm 2020; tăng trưởng vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước sụt giảm từ 16,4% năm 2019 xuống còn 7,4% năm. Tuy nhiên, *điểm sáng duy nhất là vốn đầu tư của khu vực nhà nước tăng từ 3% năm 2019 lên 7,4% năm 2020*. Trong thời điểm nền kinh tế gặp khó khăn và tổng cầu suy giảm, *Nhà nước đã đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sự suy giảm của tổng cầu*.

Đối với nhu cầu bên ngoài cũng có sự suy giảm, trong 6 tháng đầu năm 2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước có kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 11,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 6,7%. Điểm đáng lưu ý, trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; khu vực kinh tế trong nước tăng 10,8% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 5,9%. Như vậy, khu vực kinh tế trong

nước vẫn duy trì được kim ngạch xuất khẩu tăng trên 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 giảm và năm 2019 tăng, do đó làm cho kim ngạch xuất khẩu của nền kinh tế tăng vào năm 2019 và giảm vào năm 2020. *Thực trạng này cho thấy kim ngạch xuất khẩu của nền kinh tế nước ta phụ thuộc rất lớn vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến đầu tư và chuỗi giá trị toàn cầu cũng đang tác động đến xuất khẩu của nền kinh tế nước ta.*

Nói chung, do ảnh hưởng đại dịch COVID-19, cầu của nền kinh tế (tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu) bị sụt giảm, từ đó làm suy giảm hoạt động sản xuất và tăng trưởng của nền kinh tế. Các biện pháp Chính phủ đang triển khai hiện nay chủ yếu hướng tới kích thích tổng cầu và phục hồi sản xuất.

Đối với yếu tố cung, đại dịch COVID-19 và thực hiện giãn cách xã hội làm đứt gãy chuỗi cung ứng đầu vào và lao động. Chẳng hạn, trong ngành công nghiệp ô tô, do linh kiện đầu vào khan hiếm cùng với thực hiện giãn cách xã hội nên các doanh

nh nghiệp sản xuất ô tô trong nước như Honda, Nissan, Toyota, Ford, Hyundai... phải tuyên bố tạm dừng sản xuất, chỉ đến khi thời kỳ giãn cách xã hội kết thúc và chuỗi cung ứng được kết nối trở lại, các doanh nghiệp sản xuất ô tô mới quay trở lại hoạt động.

Nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có chuyên gia người nước ngoài và người lao động nước ngoài chịu tác động nặng nề từ COVID-19 khi nguồn cung lao động bị thiếu. Chi phí sử dụng lao động trong thời kỳ của dịch bệnh cũng cao hơn khi các doanh nghiệp phải đầu tư thêm khẩu trang, nước sát khuẩn, thực hiện các biện pháp an toàn trong lao động để tránh lây nhiễm vi-rút.

Ở góc độ xã hội, COVID-19 tác động làm tăng tỷ lệ nghèo và cận nghèo về thu nhập và làm sụt giảm thu nhập tạm thời của hộ gia đình và người lao động. Theo kết quả khảo sát của UNDP và UN WOMEN (2020), “trong tháng 12 năm 2019, trung bình tỷ lệ hộ nghèo là 11,3%. Tỷ lệ này tăng lên tới 50,7% trong tháng 4 năm 2020. Tỷ lệ hộ cận

nghèo tăng từ 3,8% vào tháng 12 năm 2019 lên 6,5% vào tháng 4 năm 2020”. Quan trọng hơn, những hộ gia đình thuộc nhóm dân tộc thiểu số và hộ gia đình có lao động phi chính thức và gia đình những người nhập cư chịu tác động từ dịch bệnh lớn hơn. Cũng theo kết quả điều tra của UNDP và UN WOMEN (2020), “thu nhập trung bình của các hộ gia đình DTTS trong tháng 4 và tháng 5 năm 2020 lần lượt chỉ tương ứng 25,0% và 35,7% mức tháng 12 năm 2019. Trong khi đó, những con số này cao hơn, lần lượt ước tính khoảng 30,3% và 52% đối với nhóm hộ gia đình Kinh-Hoa. Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2020, thu nhập trung bình của hộ di cư được ước tính chỉ tương đương 25,1% và 43,2% của tháng 12 năm 2019. Những con số này lần lượt là 30,8% và 52,5% đối với nhóm hộ gia đình không di cư.”

COVID-19 tác động lên mọi mặt của phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, hoạt động thương mại, lao động, việc làm và thu nhập của người lao động. Tuy nhiên, đứng trước cú sốc

này, Nhà nước đã nhanh chóng thực hiện các giải pháp mạnh – trước là để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, sau là để phát triển kinh tế. Các giải pháp đã chứng tỏ thành công bước đầu khi khống chế hoàn toàn dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan trong cộng đồng trong thời gian dài (trên 3 tháng) và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, nhất là hoạt động du lịch cũng đang bắt đầu trên con đường khởi sắc trở lại trước khi dịch bệnh bùng phát lần nữa vào cuối tháng 7/2020.

3. Giải pháp chính sách cho giai đoạn tới

Nước ta đang chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 hướng đến xây dựng Việt Nam trở thành nước phồn vinh, hạnh phúc.

Yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển khoa học – công

nghệ, đổi mới sáng tạo; thực hiện chuyển đổi số nền kinh tế đang trở nên gấp gáp hơn bao giờ hết vì đó là cách thức để nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, đuổi kịp các nước đi trước và đạt được tầm nhìn xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 xuất hiện vào năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và khả năng sẽ ảnh hưởng đến một vài năm đầu của Chiến lược giai đoạn 2021-2030 đang đặt ra những thách thức mới không lường trước được. Đây là cú sốc bất ngờ làm nền kinh tế chệch khỏi đường ray đang trên đà phát triển kể từ năm 2012. Vì thế, để nền kinh tế nhanh chóng quay trở lại đường ray phát triển bình thường mới, cú sốc dịch bệnh vô tiền khoáng hậu này cần được xử lý kịp thời, không để kéo dài và không để các vấn đề phát sinh trong thời kỳ dịch bệnh tồn đọng, kéo chậm tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế. Để hướng đến mục tiêu dài hạn, Chính phủ cần có giải pháp hợp lý loại bỏ cú sốc dịch

tế này, không để cho cú sốc COVID-19 tạo ra những vấn đề kéo dài trong nền kinh tế. Nói cách khác, sẽ cần các giải pháp để giúp nền kinh tế trong thời gian sắp tới vừa phát triển kinh tế, vừa ổn định xã hội, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững.

Trước tác động của đại dịch COVID-19 lên nền kinh tế, Chính phủ đã nhanh chóng đưa ra các chính sách tiền tệ, tài khóa, an sinh xã hội nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của cú sốc COVID-19. Thứ nhất, gói chính sách tiền tệ - tín dụng nhằm cơ cấu lại, giãn - hoãn nợ và xem xét giảm lãi đối với tổng dư nợ chịu ảnh hưởng. Thứ hai, gói cho vay mới với tổng hạn mức cam kết khoảng 300.000 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi hơn tín dụng thông thường từ 1-2,5%/năm. Thứ ba, gói tài khóa (giãn, hoãn thuế và tiền thuê đất, giảm một số sắc thuế và phí) với tổng giá trị 180.000 tỷ đồng. Thứ tư, gói an sinh xã hội 62.000 tỷ đồng cho hơn 20 triệu lao động và đối tượng yếu thế... (chi tiết các chính sách hỗ trợ

Bảng 1. Chính sách của Chính phủ hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng ứng phó với tác động của COVID-19

Chính sách hỗ trợ	Ngân sách (tỷ đồng)	Loại hình hỗ trợ và đối tượng thụ hưởng
Gói tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp	180.000	Hoãn nộp thuế và hoãn nộp thuế sử dụng đất và tiền thuê nhà, v.v. Đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trong hơn 30 tiểu ngành công nghiệp chế biến chế tạo và dịch vụ
Các khoản vay với lãi suất bằng 0 để trả lương cho công nhân	236-1.000	Các khoản vay không có lãi suất; - Doanh nghiệp có 100 lao động trở lên, ít nhất 30% lao động phải nghỉ luân phiên cộng dồn từ 1 tháng trở lên. - Doanh nghiệp giải thể và phá sản cần vay vốn để trả lương cho người lao động. - Doanh nghiệp, có từ 50 lao động trở lên và ít nhất 10% nghỉ việc; hoặc không có nguồn tài chính để trả lương cho người lao động và phải chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động
Gói bảo trợ xã hội	61.580	Trợ giúp tiền mặt trong 3 tháng (tháng 4, tháng 5 và tháng 6 năm 2020); Người có công với Cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo, lao động chính thức bị mất việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, lao động phi chính thức (đối với một số loại việc làm phi nông nghiệp) bị mất việc làm; hộ kinh doanh có doanh thu hàng năm dưới 100 triệu đồng ngừng hoạt động, v.v.
Giảm giá điện	11.000	Giảm 10% giá điện (tháng 4 - 6/2020) đối với tất cả các hộ gia đình và doanh nghiệp
Giảm lãi suất vay ngân hàng		Các ngân hàng giảm lãi suất, miễn và giảm phí dịch vụ giao dịch. Các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ thiết yếu đủ điều kiện vay với lãi suất 4,5-5%/năm (thấp hơn lãi suất huy động tiền gửi)
Gói tín dụng của các ngân hàng thương mại	285.000	Các khoản vay. Các doanh nghiệp ít bị ảnh hưởng, hoặc ít bị ảnh hưởng nhất nhưng cần vốn để phát triển sau đại dịch COVID-19, trong các khu vực: nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và điện, v.v. Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng cũng có thể vay nếu chứng minh được khả năng trả nợ.

Nguồn: UNDP và UN WOMEN (2020)

nền kinh tế - xem bảng).

Các gói hỗ trợ cho các chủ thể trong nền kinh tế đang được triển khai và chưa thể đánh giá đầy đủ hiệu quả ngay được. Nền kinh tế chưa kịp hồi phục từ đợt sóng COVID-19 lần thứ nhất khi cả nước thực hiện giãn cách toàn xã hội vào tháng 4/2020 thì vào cuối tháng 7/2020, những ca lây nhiễm vi-rút trong cộng đồng và bùng phát mạnh trở lại đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của nền kinh tế. Mục tiêu vừa phát triển kinh tế, vừa phòng chống dịch tốt đang trở nên khó khăn, thách thức hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, mục tiêu này không phải là bất khả thi với sự quyết tâm của Chính phủ, sự vào cuộc của các bộ, ban, ngành, địa phương và sự chung tay, góp sức của toàn bộ người dân cả nước trong cuộc chiến chống sự lây lan của vi-rút SARS-CoV-2. Để thực hiện nhiệm vụ kép vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế, ổn định xã hội đầy khó khăn, trong thời gian tới một số giải pháp chính sách được gợi ý thực hiện như sau:

Thứ nhất, nhanh chóng khoanh vùng, xét nghiệm trên diện rộng để

tiến tới hạn chế sự lây lan của dịch bệnh. Những hoạt động có sự tương tác đông người (hoạt động du lịch, lễ hội, quán bar...) cần bị hạn chế, nhất là tại những điểm nóng về dịch bệnh. Cần tuyên truyền để người dân thực hiện các biện pháp phòng chống sự lây lan của vi-rút như đeo khẩu trang, hạn chế tụ tập đông người nơi công cộng, rửa tay thường xuyên.

Thứ hai, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công theo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ đặt ra, gắn trách nhiệm giải ngân đầu tư công cho người đứng đầu; các bộ, ban, ngành, địa phương cần đồng hành, phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm tháo gỡ nút thắt để có thể nhanh chóng giải ngân đầu tư công, vừa kích thích tổng cầu trong ngắn hạn, vừa tạo ra năng lực cho nền kinh tế nhằm tăng trưởng trong dài hạn.

Thứ ba, khu vực FDI - xét cả về đầu tư trực tiếp nước ngoài và kim ngạch xuất khẩu - trong 6 tháng đầu năm 2020 có tăng trưởng âm, điều này là do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 lên nền kinh tế thế giới, làm đứt chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, do đó ảnh hưởng

đến đầu tư trực tiếp nước ngoài và xuất khẩu của khu vực này. Tuy nhiên, khu vực kinh tế trong nước có tăng trưởng đầu tư giảm nhưng kim ngạch xuất khẩu tăng vẫn tương đối tốt. Đối với khu vực này, Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ (miễn, giảm thuế, giảm nộp bảo hiểm xã hội, giảm lãi suất...) cho các doanh nghiệp trong nước khi đứng trước các khó khăn và cú sốc tiêu cực từ bên ngoài.

Thứ tư, lao động tự do, hộ kinh doanh, người nhập cư, người dân tộc thiểu số chịu tác động từ dịch bệnh COVID-19 mạnh mẽ hơn so với các nhóm đối tượng khác; vì thế gói hỗ trợ Chính phủ đang triển khai cần tháo gỡ điểm nghẽn để nguồn lực hỗ trợ tìm đến được các địa chỉ chịu tác động mạnh mẽ nhất từ dịch bệnh.

Thứ năm, cú sốc dịch tễ chưa có tiền lệ này cho thấy hệ thống y tế và giáo dục của Việt Nam cần được củng cố và cần có những thay đổi căn bản. Nhà nước cần củng cố cơ sở vật chất y tế và giáo dục nhằm ứng phó hiệu quả trước các cú sốc y tế trong tương lai. Quan trọng hơn,

cơ sở vật chất y tế và giáo dục cần được thay đổi để tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (ví dụ học online) nhằm thích nghi tốt trong bất kỳ cú sốc hay hoàn cảnh nào.

Thứ sáu, trong nền kinh tế tương thuộc lẫn nhau, sự suy giảm tăng trưởng hay đứt chuỗi cung ứng bên ngoài sẽ gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất trong nước. Tuy nhiên, phụ thuộc quá mức vào khu vực FDI (trong đầu tư và xuất khẩu) sẽ tạo nên rủi ro lớn cho nền kinh tế khi gặp phải các cú sốc bên ngoài. Trong tình hình này, *Việt Nam cần tư duy lại và nhìn nhận lại mô hình phát triển để tạo nên mô hình có sự cân bằng tốt hơn giữa các động lực của tăng trưởng.*

Thứ bảy, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại tự do là xu thế tất yếu, tuy nhiên nền kinh tế cũng sẽ phải đương đầu với nhiều cú sốc từ bên ngoài hơn. Xây dựng một nền kinh tế mạnh, có sức khỏe tốt là cần thiết, nhưng *việc xây dựng một nền kinh tế có tính thích nghi cao, có sức chống chịu tốt trong một*

thế giới diễn biến phức tạp, khó lường sẽ còn cần thiết hơn. Điều này đòi hỏi phải có tầm nhìn, chiến lược nhằm phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước có tính gắn kết, có sức cạnh tranh và thực sự là những trụ cột cho nền kinh tế trong tương lai.

Thứ tám, đại dịch COVID-19 đặt nền kinh tế nước ta trước những thách thức vô cùng to lớn, nhưng đồng thời cũng đem lại những cơ hội. Cú sốc này góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế; lợi ích to lớn trong ứng dụng các thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại được

nhìn nhận rõ nét hơn, sản phẩm mới xuất hiện và phát triển rộng rãi. Các xu thế này đòi hỏi phải có sự thay đổi thể chế, quy định nhằm thúc đẩy nền kinh tế số phát triển.

Các giải pháp trên vừa là các giải pháp ứng phó mang tính cấp bách; vừa là các giải pháp nền tảng, căn cơ lâu dài. Một khi các giải pháp được triển khai, thực hiện hiệu quả và nền kinh tế nhanh chóng quay trở lại đường ray phát triển đầy triển vọng như đã diễn ra trong những năm qua; mục tiêu trở thành một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong tương lai sẽ trở nên rõ ràng hơn và khả thi hơn ■

¹ Các số liệu này đang thay đổi theo từng ngày, giờ.

² Số liệu về số ca mắc dịch Covid, tử vong cũng đang tăng dần từng ngày.

³ <https://baodautu.vn/du-bao-dong-von-fdi-toan-cau-se-giam-40-do-dai-dich-covid-19-d124239.html>.

⁴ <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/15869-wto-du-bao-lac-quan-hon-ve-thuong-mai-toan-cau>.

VỀ NGUYÊN TẮC HIẾN ĐỊNH: ĐẢNG CHỊU SỰ GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC NHÂN DÂN VỀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH CỦA MÌNH

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: *Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.* Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân đã được thể chế hóa, cụ thể hóa trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước. Bài viết này tập trung đề cập đến thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc hiến định: *Đảng chịu sự giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.*

1. Quá trình phát triển nhận thức về vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng

Ngay trong cuốn “Đường Cách

mệnh” được xuất bản năm 1927, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề: *Cách mệnh trước hết phải có cái gì?* Và Người trả lời: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Người còn khẳng định “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi”².

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản ở nước ta, tập trung nỗ

lực của toàn dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, bảo vệ độc lập, thống nhất vĩnh viễn của Tổ quốc”³.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định rõ hơn vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng: “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁴. Đây là lần đầu tiên vấn đề Đảng chịu sự giám sát của nhân dân được xác định trong văn kiện Đảng. Đại hội VIII, IX của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò, trách nhiệm của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh năm 1991.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiếp tục xác định rõ hơn, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị;

đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ hơn Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng đã bổ sung nhận thức về vai trò, thẩm quyền trách nhiệm của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội... Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và

pháp luật”⁵. Đây là bước phát triển về tư duy lý luận của Đảng.

Như vậy, vấn đề Đảng chịu sự giám sát của nhân dân đã được khẳng định trong văn kiện Đảng từ Đại hội VII đến nay.

2. Quá trình hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng trong Hiến pháp

Hiến pháp năm 1946, năm 1959 chưa hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng. Đến Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, Điều 4 quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lênin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội; là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng tồn tại và phấn đấu vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam. Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp.

Thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đại hội VII của Đảng thông qua, Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam năm 1992 tiếp tục hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), kế thừa Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định:

“1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁶.

Quy định: *Đảng Cộng sản gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình* là một trong những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với các bản Hiến pháp trước đó.

Các bản Hiến pháp của Việt Nam đều được nhân dân thảo luận góp ý kiến và đồng tình. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ghi nhận quyền của nhân dân trong xây dựng Hiến pháp. Khoản c, Điều thứ 70 của Hiến pháp năm 1946 quy định: Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết. Khoản 4, Điều 120, Hiến pháp năm 2013

quy định: Hiến pháp được thông qua có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định.

Như vậy, có thể khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã bảo đảm tính chính danh.

3. Thực trạng việc thể chế hóa, cụ thể hóa: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình

a. Thực trạng việc thể chế hóa, cụ thể hóa: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân

Điều lệ Đảng - bộ “luật” của Đảng được Đại hội VII thông qua quy định: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng tôn trọng vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁷. Điều lệ Đảng được thông qua các Đại hội VIII, IX, X, XI và XII

đều xác định: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân.

Đảng và Nhà nước đã ban hành các văn bản để thể chế hóa, cụ thể hóa: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân.

Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 về xây dựng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Thể chế quan điểm của Đảng, Chính phủ đã ban hành các quy chế thực hiện dân chủ ở các loại hình cơ sở. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 34/2007/ PL-UBTVQH 11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Pháp lệnh có Chương V quy định những nội dung nhân dân giám sát. Điều 23. Quy định những nội dung nhân dân giám sát. Đó là giám sát những nội dung công khai; nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến (được quy định rõ trong Pháp lệnh). Điều 24 quy định những hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân: Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của

cộng đồng. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Pháp lệnh số 34 tuy không trực tiếp đề cập đến nhân dân giám sát Đảng mà là giám sát những công việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cán bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nhưng đã gián tiếp đề cập đến giám sát của nhân dân đối với Đảng. Bởi vì, mọi quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đều có vai trò lãnh đạo của Đảng.

Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị) đã xác định rõ khái niệm “*giám sát*” là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ

chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quy chế chỉ rõ mục đích, tính chất của giám sát nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đối tượng giám sát là các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước. Nội dung giám sát là việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Quy chế còn quy định phạm vi giám sát, phương pháp giám sát, quyền và

trách nhiệm trong giám sát, điều kiện bảo đảm, khen thưởng, xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 về giám sát trong Đảng; Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Trong các quyết định trên có đề cập đến vai trò của nhân dân.

b. Thực trạng việc thể chế hóa, cụ thể hóa: Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình

Trách nhiệm của Đảng trong các quyết định của mình trước nhân dân thể hiện ở nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ

năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị”⁸.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ hơn: “Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú, có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu”⁹.

Đại hội XII của Đảng (2016) xác định: “Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm

2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn về thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp”¹⁰.

Ban Chấp hành Trung ương các khóa đều ban hành quy chế làm việc, quy định trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, của Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương; của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; của Tổng Bí thư, của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị là Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ

tịch Quốc hội, của đồng chí Thường trực Ban Bí thư. Về trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế quy định: Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo của Đảng giữa hai kỳ Đại hội, chịu trách nhiệm trước toàn Đảng và toàn dân về tình hình mọi mặt của Đảng và của đất nước; quyết định những vấn đề chiến lược và chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng, công tác quản lý thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết Đại hội Đảng. Bộ Chính trị quyết định những chủ trương, chính sách, luật pháp lớn nhằm thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương các khóa cũng đều ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. So với Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương

khóa XI và các khóa trước đây, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã phân định rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc và phương pháp công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; bổ sung, sửa đổi nhiều điểm về quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, đặc biệt trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Bí thư được bổ sung quy định: “Định kỳ hằng tháng và khi cần thiết Tổng Bí thư chủ trì các cuộc làm việc với các đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội và đồng chí Thường trực Ban Bí thư”. Cấp ủy các cấp cũng ban hành quy chế làm việc của cấp mình và ngày càng hoàn thiện.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành các quy định về trách nhiệm, quyền hạn. Chẳng hạn, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung

ương. Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương. Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; Kết luận số 55-KL/TW, ngày 15/8/2019 về tiếp tục chấn chỉnh công tác cán bộ để chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng, v.v...

Bên cạnh những ưu điểm trên, việc thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc hiến định: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình còn nhiều hạn chế, bất cập, nhất là chưa có những văn bản quy phạm pháp luật về Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp, các khóa, đều ban hành quy chế làm việc, nhưng chỉ lưu hành nội bộ, đảng viên và nhân dân không được biết. Chính vì thế, nhân dân không có đủ căn cứ để giám sát và xem xét trách nhiệm, thẩm quyền của Đảng và nhất là

không đủ căn cứ để xem xét xử lý kỷ luật đối với cấp ủy, tổ chức đảng.

4. Một số kiến nghị

(1) Những năm qua, một số ý kiến đề nghị nên tiến hành nghiên cứu, ban hành luật về Đảng. Các ý kiến đó cho rằng, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo ban hành Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Mặt trận, Luật Công đoàn,... Đảng là một tổ chức chính trị cũng nên có luật về Đảng để bảo đảm tính chính danh, minh bạch, công khai vai trò lãnh đạo của Đảng. Ngược lại, nhiều ý kiến cho rằng không nên ban hành luật về Đảng. Hiến pháp đã hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng. Điều lệ Đảng, các quy chế, quy định ban hành cũng là những văn bản mang tính chất luật. Vấn đề có ban hành luật về Đảng hay không cần được tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng.

(2) Góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII (sử dụng tại đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương).

Dự thảo Báo cáo chính trị đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, trong đó có đánh giá: “Phương

thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao”. Cần bổ sung đánh giá: *“Việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể còn chậm. Chưa quy định rõ Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và cơ chế xử lý đối với tổ chức đảng và cá nhân khi vi phạm”*.

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước trong điều kiện mới:

“Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định cụ thể Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hóa quyền lực; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với để cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương”.

Cần thay cụm từ “Tiếp tục” bằng từ “*Đẩy mạnh*” trong câu: “Tiếp tục

cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng...” thành “*Đẩy mạnh việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng...*”. Bởi lẽ, Đại hội XII đã xác định “Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng...”. Thực tế đòi hỏi phải “*Đẩy mạnh cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng...*”. Thay cụm từ “Quy định cụ thể” bằng cụm từ “*Thể chế hóa, cụ thể hóa*” trong câu: “Quy định cụ thể Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình” thành “*Thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu*

trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình”. Thêm một đoạn: “*Công khai hóa các quy chế, quy định để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định đó. Có cơ chế xử lý đối với các tổ chức đảng và cá nhân khi vi phạm*”. Bởi lẽ, Đại hội XII đã xác định: “Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình...”. Thực tế đòi hỏi không chỉ cụ thể hóa mà còn phải thể chế hóa. Đồng thời, phải công khai các quy chế, quy định để nhân dân biết và giám sát ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.289.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.609.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.581-582.

^{4,7,8} ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.147, 254, 120.

^{5,9} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88-89, 88-89.

⁶ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.9-10.

¹⁰ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.214-215.



KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT THỰC TẾ PHỤC VỤ NHIỆM VỤ TƯ VẤN CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG THỜI GIAN QUA

● PGS, TS PHAN TRỌNG HÀO

Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Vài nét thực trạng chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương thời gian qua

Nghiên cứu, khảo sát nhằm nắm được bản chất thông tin cần thiết từ thực tế để phân tích, tổng hợp, chất lọc xây dựng báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Đây là một khâu không thể thiếu trong quy trình xây dựng các báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Hoạt động nghiên cứu, khảo sát thực tế một khâu không thể

thiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Chất lượng của hoạt động này có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Gần 10 năm vừa qua, chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế của Hội đồng không ngừng được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tư vấn đặt ra. Cụ thể là:

Về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể: nhìn tổng quát, Thường trực, cấp ủy, đội ngũ cán bộ các cấp,

các cơ quan chức năng, các tổ chức của Hội đồng đã có nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc, trách nhiệm cao trong nâng cao chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ công tác tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Về nội dung, hình thức và phương pháp nghiên cứu, khảo sát gắn với yêu cầu của các báo cáo tư vấn (được xác định theo yêu cầu công tác), nên Hội đồng cơ bản đã *chủ động* xác định cho từng cuộc khảo sát, căn cứ vào đặc điểm, những điểm mạnh, yếu, kinh nghiệm... của địa phương, cơ sở nơi đoàn đến khảo sát.

Về cơ chế, chính sách: trong những năm qua, vấn đề cơ chế, chính sách nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn được giao đã từng bước được Hội đồng Lý luận Trung ương áp dụng, cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện cho sát hợp với thực tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế vẫn còn những hạn chế, bất cập. Điều này có nhiều nguyên nhân song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Từ thực trạng hạn chế, yếu

kém đang đặt ra những vấn đề cần phải nghiên cứu và kịp thời giải quyết để tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, so với yêu cầu cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng các báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương thì chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể: một số cán bộ chưa có nhận thức đúng về vị trí, vai trò của nghiên cứu, khảo sát thực tế, xem việc nghiên cứu, khảo sát thực tế như là một công việc hành chính; đi nghiên cứu, khảo sát thực tế cũng chỉ là “cuối ngựa xem hoa”, thiếu sâu sát, cụ thể.

Về nội dung, hình thức và phương pháp nghiên cứu, khảo sát: một số đợt nghiên cứu, khảo sát tại các địa phương chưa xử lý tốt mối quan hệ giữa nội dung, yêu cầu của báo cáo tư vấn và nội dung yêu cầu nghiên cứu, khảo sát thực tế ở các ngành, địa phương; hình thức chậm được đổi

mới, phương pháp sử dụng chưa thật hiện đại.

Về cơ chế, chính sách: tuy đã có nhiều cải tiến, đổi mới song nhiều chính sách cụ thể còn bất cập so với thực tiễn, và nhất là so với đặc thù hoạt động tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

2. Kinh nghiệm và vấn đề đặt ra

a) Kinh nghiệm

Một là, làm tốt công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, khảo sát thực tế một cách khoa học.

Thực tế cho thấy, việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu, khảo sát thực tế vừa là nhiệm vụ, vừa là nội dung quan trọng nhất trong giai đoạn chuẩn bị. Kế hoạch định hướng tìm tòi, nghiên cứu, khảo sát thực tế và triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Kết quả thực hiện nhiệm vụ này có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cuộc nghiên cứu, khảo sát thực tế. Trong kế hoạch nghiên cứu, khảo sát gồm các nội dung: xác định mục đích, khách thể, đối tượng nghiên cứu, khảo sát.

Mục đích nghiên cứu, khảo sát giữ vai trò quan trọng, nó quy định việc lựa chọn nội dung, phương pháp,

khách thể của cuộc nghiên cứu, khảo sát. Mục đích đó có thể do Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hay Thường trực Hội đồng giao cho đoàn nghiên cứu, khảo sát; có thể do đoàn nghiên cứu, khảo sát tự xác định. Trong một cuộc nghiên cứu, khảo sát thực tế có thể xác định một số mục đích, tùy thuộc và điều kiện thực tế và khả năng thực hiện của đoàn nghiên cứu, khảo sát.

Nhìn chung, mục đích nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương nhằm tìm hiểu kết quả và vấn đề đặt ra trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trong thực tiễn. Do đó, để xác định rõ mục đích tìm hiểu không chỉ là những kết quả, con số, việc làm cụ thể, mà cần đi tới sự đánh giá về kết quả thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nên yêu cầu về sự khái quát phải cao hơn so với sự thống kê kết quả đơn thuần.

Xác định khách thể nghiên cứu, khảo sát thực tế phải chọn điểm đúng để có kết quả đúng. Chọn đúng điểm ở đây bao hàm chọn đúng thời gian, đối tượng, địa bàn (cơ quan, đơn vị, địa phương) để tiến hành

nguyên cứu, khảo sát thực tế. Nếu chọn điểm không đúng, rất dễ bị đưa đến các cơ sở được gây dựng thành các điển hình để báo cáo, không đại diện cho tình hình chung của địa phương. Chọn điểm ngẫu nhiên để khảo sát cũng không phải là cách làm tốt, vì không phát hiện kịp thời các điểm mới trong thực tiễn. Cách tốt nhất trong chọn điểm là có sự phối hợp với địa phương, chọn các điểm khảo sát là các nơi có nhân tố mới, cách làm mới, thậm chí là nơi “có vấn đề đặt ra” cả hai mặt tốt và xấu... thì nghiên cứu, khảo sát có chất lượng, hiệu quả hơn.

Xác định phương pháp nghiên cứu, khảo sát cần sử dụng tổng hợp các phương pháp hiện có, đồng thời xác định phương pháp chủ yếu, giữ vai trò chủ đạo.

Phương pháp phù hợp là tạo điều kiện thoải mái, tự nhiên tốt nhất cho đối tượng được khảo sát để họ cung cấp cho đoàn

Nghiên cứu, khảo sát nhằm nắm được bản chất thông tin cần thiết từ thực tế để phân tích, tổng hợp, chất lọc xây dựng báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Đây là một khâu không thể thiếu trong quy trình xây dựng các báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Hoạt động nghiên cứu, khảo sát thực tế một khâu không thể thiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

nguyên cứu, khảo sát số lượng thông tin nhiều nhất và thật nhất có thể. Để thực hiện được việc đó, trước hết phải tạo được sự thân mật, chan hòa giữa chủ thể nghiên cứu, khảo sát và đối tượng được nghiên cứu, khảo sát, tránh nhấn mạnh đến những khó khăn, hạn chế hoặc sai lầm, hỏi có tính truy vấn, như các đoàn kiểm tra... Trong trình bày câu hỏi, phải bảo đảm ngắn, gọn, rõ. Đối với nghiên cứu, khảo sát ở cơ sở, cách giới thiệu đại biểu dự cũng nên tránh nhấn mạnh đến

chức vụ, học hàm, học vị, để làm mất tính tự nhiên trong trao đổi của đại biểu địa phương.

Kết hợp quan sát trực tiếp với trao đổi và nghiên cứu tư liệu để nắm được bản chất vấn đề trong nghiên cứu, khảo sát, trao đổi trong và ngoài hội trường, trên đường đi... Nhất thiết các hoạt động nghiên cứu, khảo sát phải có đi quan sát thực tế trước khi tổ chức hội nghị. Nên đề nghị nơi đến khảo sát cung cấp tài liệu, báo cáo trước để nghiên cứu, tranh thủ thời gian nghiên cứu, khảo sát để quan sát thực tế, trao đổi về những vấn đề trọng tâm hoặc chưa rõ... Trong điều kiện bùng nổ thông tin hiện nay, cần sử dụng công nghệ thông tin. Trước khi đi nghiên cứu, khảo sát thực tế, các thành viên của đoàn cần vào các trang website về nơi đến khảo sát, để biết trước được thông tin về những điều kiện tự nhiên, xã hội, những đặc điểm nổi bật của đối tượng trước khi đến nghiên cứu, khảo sát...

Hai là, tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch nghiên cứu, khảo sát thực tế.

Giai đoạn này gồm các nội dung: liên hệ với đối tượng được nghiên cứu, khảo sát; bồi dưỡng điều tra viên (nếu có); tiến hành theo kế

hoạch; điều tra bổ sung (nếu cần).

Trước khi tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đoàn nghiên cứu, khảo sát phải liên hệ với đối tượng nghiên cứu, khảo sát: thông báo cho họ biết về mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, địa điểm, lực lượng tham gia nghiên cứu, khảo sát và những nội dung cần sự trợ giúp của họ. Gửi cho họ các văn bản cần thiết chủ yếu như: công văn liên hệ nghiên cứu, khảo sát; kế hoạch nghiên cứu, khảo sát; nội dung tọa đàm, trao đổi khoa học (nếu có); nội dung mẫu biểu thu thập tài liệu, số liệu (nếu có); danh sách đoàn cán bộ nghiên cứu, khảo sát; v.v.. Sự liên hệ, hợp đồng chặt chẽ giữa đoàn nghiên cứu, khảo sát với đối tượng nghiên cứu khảo sát là điều kiện tiên quyết bảo đảm thực hiện kế hoạch nghiên cứu, khảo sát thành công.

Bồi dưỡng điều tra viên: trong nghiên cứu, khảo sát thực tế, có thể đoàn nghiên cứu, khảo sát tiến hành toàn bộ các công việc điều tra khảo sát thực tế, có thể đoàn sử dụng người của phía đối tượng nghiên cứu, khảo sát hoặc người ở nơi khác thực hiện điều tra bằng cách lấy thông tin trực tiếp từ người được

điều tra vào phiếu trưng cầu ý kiến. Việc lựa chọn này không chỉ phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của đoàn nghiên cứu, khảo sát, mà còn phụ thuộc vào vấn đề và đối tượng nghiên cứu, khảo sát. Sau khi lựa chọn, điều tra viên phải tiến hành tập huấn (hướng dẫn) nội dung, cách thức tiến hành; trong quá trình điều tra phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện những sai lệch và uốn nắn kịp thời để bảo đảm tính trung thực của những thông tin thu được.

Thực hành nghiên cứu, khảo sát thực tế theo kế hoạch đã xác định. Điểm mấu chốt trong triển khai nghiên cứu, khảo sát thực tế là phải tuân thủ theo đúng quy trình nghiên cứu, khảo sát thực tế và các nội dung, hình thức, phương pháp được nêu trong kế hoạch. Sớm phát hiện những lệch lạc để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Điều tra bổ sung là công việc bình thường của nghiên cứu, khảo sát thực tế, thường được tiến hành sau khi xử lý sơ bộ kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế. Điều tra bổ sung tập trung vào những vấn đề chưa rõ, những vấn đề đang còn

tranh luận, đang còn có ý kiến khác nhau trong luận giải, đánh giá kết quả nghiên cứu, hoặc thẩm định độ xác thực của những thông tin đã thu được.

Ba là, làm tốt công tác xử lý và phân tích thông tin, xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế.

Việc xử lý và phân tích thông tin là hết sức cần thiết và hữu ích. Bởi vì những thông tin thu được từ việc thực hiện các phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực tế là những chất liệu thô, cần được xử lý để lọc ra những thông tin hữu ích cho việc đánh giá, thẩm định nội dung khoa học và chứng minh, luận giải vấn đề nghiên cứu, khảo sát. Thực chất của xử lý thông tin là tìm kiếm những thông tin khoa học từ thực tế cuộc sống phục vụ cho nội dung nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương. Để xử lý thông tin bảo đảm chất lượng và hiệu quả cần phải thực hiện tốt các bước: làm sạch và phân loại thông tin thu được từ khảo sát điều tra thực tế; xử lý số liệu, tài liệu, phiếu trưng cầu ý kiến, tọa đàm khoa học.

Sau khi xử lý thông tin xong phải xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế. Báo cáo này là sản phẩm trung gian, trình bày những nhận định sơ bộ, ban đầu về kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Nhận định về kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế là những nhận định được rút ra từ sự so sánh giữa kết quả thu được với mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực tế đã được xác định; đánh giá những việc đã làm được, những việc chưa làm được. Sau khi đánh giá những ưu điểm, hạn chế, cần khẳng định độ tin cậy của các thông tin thu được trong nghiên cứu, khảo sát thực tế để luận giải vấn đề nghiên cứu; những vấn đề cần chú ý khi khai thác, sử dụng những thông tin này.

b) Vấn đề đặt ra

Một là, về thời gian và lực lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế.

Thời gian dành cho xây dựng một báo cáo tư vấn khoảng 2-3 tháng, trong thời gian đó phải thực hiện tất cả các khâu, các bước của quy trình

làm báo cáo tư vấn. Phần khúc thời gian dành cho nghiên cứu, khảo sát thực tế là không nhiều. Thường mỗi chuyến nghiên cứu, khảo sát, tùy theo số lượng đối tượng, địa bàn không gian rộng hẹp khác nhau, mà thời gian cũng khác nhau, ngắn thì 3 ngày, dài khoảng 7 ngày. Cũng trong tình trạng đó, các bộ, ban, ngành, địa phương được nghiên cứu, khảo sát, nhất là người đứng đầu, thường trực cấp ủy bận rất nhiều việc, đặc biệt là các công việc đột xuất đến từ các cơ quan Trung ương. Để đón tiếp đoàn, họ thường phải cân nhắc kỹ về thời gian, nhưng cũng không tránh được các công việc đột xuất. Với độ bận về thời gian như thế, các công việc của nghiên cứu, khảo sát bị dồn ép tới mức tối đa, nhiều khi phải “chạy theo chương trình” cho kịp diễn tiến thời gian công việc.

Về lực lượng nghiên cứu, khảo sát thường có khoảng 6 - 7 người cho một đoàn nghiên cứu, khảo sát, nếu phải đi xa và dài ngày thì lực lượng ít hơn. Với lực lượng mỏng, nên mỗi thành viên của đoàn phải kiêm nhiệm nhiều việc, nhiều nội dung,

từ chuyên môn đến hành chính, hậu cần bảo đảm... Mặt khác, thành phần đoàn là sự kết hợp của lực lượng chuyên trách của Hội đồng với các uỷ viên Hội đồng, các chuyên gia, các nhà khoa học được mời tham gia thành phần đoàn.

Rõ ràng, lực lượng mỏng, nhiều thành phần, thời gian ngắn đang đặt ra là một thách thức cho bảo đảm chất lượng nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Hai là, về yêu cầu quy trình tổ chức thực hiện nghiên cứu, khảo sát thực tế.

Hiện tại, Hội đồng đã ban hành Quy trình nghiên cứu, khảo sát thực tế trong và ngoài nước. Tuy nhiên, bản Quy trình này mới tập trung vào: (1) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí; (2) Triển khai thực hiện kế hoạch; (3) Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát. Đây là quy trình tối giản, thể hiện những nét chính yếu, cho nên thiếu tính cụ thể về nội dung, các khâu các bước của quy trình nghiên cứu, khảo sát thực tế. Điều đó làm cho việc thực hiện quy trình này trên thực tế không khỏi có

những bất cập. Chẳng hạn như việc xác định mục đích của nghiên cứu, khảo sát thực tế; tổ chức thành phần lực lượng; xác định nội dung, hình thức, phương pháp; xác định hiệu quả sử dụng kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế trong các báo cáo tư vấn của Hội đồng; v.v.. Chính những bất cập này làm cho việc vận dụng Quy trình này trong mỗi chuyến nghiên cứu, khảo sát thực tế rất khác nhau: hoặc là chưa thực sự linh hoạt, còn máy móc, địa phương nào, cấp nào cũng thực hiện như nhau, giảm hiệu quả nghiên cứu, khảo sát; hoặc là “ngẫu hứng” tùy theo tình hình cụ thể của mỗi chuyến, của mỗi đoàn khác nhau.

Ba là, vấn đề cơ chế hiệp đồng giữa Hội đồng với các đối tượng nghiên cứu, khảo sát thực tế.

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, được thành lập theo nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, theo Quyết định của Bộ Chính trị. Do đặc thù về tổ chức, Hội đồng là một cơ quan, trực thuộc Bộ Chính

trị, không có hệ thống tổ chức cơ sở ở các địa phương. Hội đồng được tổ chức gọn nhẹ, gồm Thường trực Hội đồng, 01 Ban Thư ký khoa học và Văn phòng Hội đồng giúp việc. Hiện tại, Cơ quan Hội đồng có 35 người, gồm 07 đồng chí thường trực chuyên trách, 02 thư ký khoa học, 08 cộng tác viên, là những người trực tiếp làm công tác chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ tư vấn của Hội đồng; số còn lại thuộc bộ phận phục vụ, bảo đảm.

Do vậy khi phối hợp công tác với các bộ, ban, ngành, nhất là các địa phương, trên cơ sở kế hoạch đã được phê duyệt, Văn phòng Hội đồng phối hợp với một đồng chí thành viên trong đoàn dự thảo công văn trình Thường trực chuyên trách ký gửi thường trực/văn phòng tỉnh ủy tại địa phương đoàn đến tìm hiểu.

Văn phòng Hội đồng hoặc một thành viên trong đoàn là đầu mối liên hệ với tỉnh, thành ủy, chuẩn bị chu đáo công tác hậu cần cho đoàn.

Như vậy, vấn đề phối hợp với các đối tượng nghiên cứu, khảo sát, mới chỉ xuất phát từ một phía của Hội đồng. Rõ ràng, ở đây có vấn đề về cơ

chế phối hợp chung.

Bốn là, vấn đề cơ chế khai thác, kế thừa kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế của các bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có cùng chức năng nhiệm vụ.

Hiện nay trong các cơ quan, ban Đảng Trung ương và khối các cơ quan của các bộ, ngành bộ phận có chức năng tham mưu, tư vấn rất đông, và nhu cầu nghiên cứu, khảo sát thực tế phục vụ cho nhiệm vụ tham mưu, tư vấn của các cơ quan này rất lớn. Mỗi năm các cơ quan này có hàng chục cuộc nghiên cứu, khảo sát thực tế ở hầu khắp các lĩnh vực và trên mọi miền của đất nước. Song dường như kết quả thu về của mỗi chuyến nghiên cứu, khảo sát thực tế chỉ để sử dụng trong nội bộ cơ quan, đơn vị mình, ít được chia sẻ, xã hội hoá. Điều này gây lãng phí rất lớn. Trong điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phải xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu chung và phải có một cơ chế để vận hành khai thác, kế thừa và sử dụng chung kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị ■

HỘI THẢO KHOA HỌC

“NHỮNG NỘI DUNG MỚI VÀ ĐIỂM NHẤN TRONG DỰ THẢO CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG”

Sáng 26/9, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương và Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp tổ chức Hội thảo Khoa học với chủ đề “Những nội dung mới và điểm nhấn trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng”.

PGS.TS Đoàn Minh Huấn, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; GS.TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương; GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; PGS.TS Vũ Trọng Lâm, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản chủ trì Hội thảo.

Phát biểu đề dẫn tại Hội thảo, PGS.TS Đoàn Minh Huấn nhấn

mạnh, dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã được lấy ý kiến tại đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở và hiện nay đang lấy ý kiến tại đại hội đảng bộ cấp tỉnh và Trung ương. Tuy nhiên, như ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại cuộc họp Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, ngày 11/9/2020, hiện nay, văn kiện “chưa phải là văn bản cuối cùng, cần tiếp tục thảo luận, đào sâu suy nghĩ...”. Đối với những vấn đề lớn, mới, khó, còn có ý kiến khác nhau càng cần phải bàn thảo cho thấu đáo.

Hội thảo nhằm thu hút trí tuệ, ý kiến tâm huyết của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý đóng góp ý kiến bổ sung, làm sáng

rõ thêm những căn cứ khoa học - thực tiễn để kiến nghị hoàn thiện dự thảo. Kết quả hội thảo sẽ được chuyển tới Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Tổ biên tập Văn kiện, với Trung ương để có thêm hướng lựa chọn các phương án tối ưu khi trình bày những những vấn đề mới, khó, phức tạp trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, trước khi công bố để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, dự kiến vào giữa tháng 10/2020.

Tại Hội thảo với 16 tham luận và ý kiến trao đổi, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý đã tập trung vào 9 nhóm vấn đề, là các nội dung lớn, phức tạp, mới, điểm nhấn của dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Các tham luận đã tập trung thảo luận, đánh giá tổng thể sự phát triển của đất nước sau gần 35 năm đổi mới trên các lĩnh vực, dự báo về bối cảnh, tình hình trong nước, thế giới, những tác động thuận và nghịch của nó đến việc hoạch định tầm nhìn phát triển đến năm 2045 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển của đất nước 2021-2030, nhất

là các yếu tố mới, những thời cơ, thuận lợi đan xen khó khăn, thách thức mà dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng sử dụng để góp ý tại đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương chưa kịp thời cập nhật.

Các đại biểu cũng thảo luận những vấn đề trọng tâm về phát triển kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Trong đó, tập trung nhận định, dự báo khoa học và phân tích những xu hướng mới của kinh tế thế giới và tác động đến kinh tế Việt Nam; việc phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam và xây dựng, phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện hiện nay - những ngành và thành phần quan trọng của nền kinh tế, song vẫn còn những điểm yếu, hạn chế, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, thời gian tới cần tập trung đầu tư và cấu trúc lại mạnh mẽ.

Các đại biểu cũng tập trung thảo luận sâu các nội dung: Vai trò đột

phá của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giai đoạn mới; xây dựng và phát huy nguồn lực con người trong thời kỳ mới; kiến tạo hệ thống phúc lợi xã hội tiến bộ, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao; vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường; vấn đề quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa góp phần bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm công bằng xã hội trong điều kiện hiện nay...

Các tham luận, thảo luận cũng đóng góp nhiều ý kiến vào nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, trong đó nhấn mạnh xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng; đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý - đột phá khâu của đột phá chiến lược để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững; thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc hiến định: Đảng chịu sự giám sát của nhân dân và

chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về nhận diện bản chất, cảnh giác và đấu tranh với những cách thức, thủ đoạn chống phá mới của chiến lược “diễn biến hòa bình” và nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nhất là việc thúc đẩy song hành, “nội công ngoại kích” cả hai chiến lược và nguy cơ trên, đặt ra nhiều vấn đề đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng..

Phát biểu ý kiến kết luận hội thảo, đồng chí Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương ghi nhận các ý kiến đóng góp tâm huyết và xây dựng của các nhà khoa học, nhà lãnh đạo. Ban Tổ chức sẽ tập hợp các ý kiến chuyển tới Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Tổ biên tập Văn kiện, với Trung ương để có thêm hướng lựa chọn các phương án tối ưu khi trình bày những vấn đề mới, khó, phức tạp trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, trước khi công bố để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân ■

PV